

CTCP BCG ENERGY
BCG ENERGY JSC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/No.: 32/2025/CBTT-BGE

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2025
Ho Chi Minh City, July 18, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP BCG ENERGY thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Riêng lẻ và Hợp nhất kiểm toán năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Pursuant to the provisions of Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, BCG Energy Joint Stock Company shall disclose the 2024 Audited Consolidated and Separate financial statements to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức/ Organization name: Công ty Cổ phần BCG Energy

- Mã chứng khoán/ *Stock ticker*: BGE
- Địa chỉ/ *Address*: LK10-21 đường Trần Quý Kiên, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ *LK10-21 Tran Quy Kien Street, Binh Trung Tay Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam*
- Điện thoại liên hệ/ *Tel*: (028) 62 680 680 Fax: (028) 62 9911 88
- Email: ir-bcgenenergy@bamboocap.com.vn Website: <https://bcgenenergy.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố/ Disclosure of information

- Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất kiểm toán năm 2024/ *The 2024 Audited Consolidated and Separate financial statements.*
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ *Cases that require explanation:*



+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC/ *The audit organization has issued an opinion that is not an unqualified opinion regarding the financial statements:*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if applicable):*

☒ Có/ Yes

☐ Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán)/ *Profit after tax in the reporting period shows a variance of 5% or more before and after the audit or shifts between profit and loss (for audited financial statements):*

☒ Có /Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if applicable):*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/ *After-tax corporate income profit in the reporting period changes by 10% or more compared to the same period last year:*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if applicable):*

☒ Có /Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ *After-tax profit in the reporting period shows a loss, shifting from profit in the same period last year to a loss this period, or vice versa:*

☒ Có/Yes

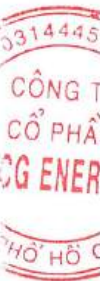
☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if applicable):*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: <https://bcgenenergy.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/2025/> This information was published on the company's website at the link: https://bcgenenergy.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/2025



Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We declare that all information provided in this paper is true and accurate; we shall be legally responsible for any misrepresentation.*

Tài liệu đính kèm/

Attached documents:

-BCTC riêng lẻ và Hợp
nhất kiểm toán năm
2024/ *The 2024 Audited
Financial statements
(separate and
consolidated)*

- Văn bản Giải trình kết
quả kinh doanh và ý
kiến ngoại trừ BCTC
kiểm toán năm 2024/
*Explanation of Business
Performance and
Qualified Opinion in the
2024 Audited Financial
Statements*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
NGƯỜI UQCBTT/
INFORMATION DISCLOSURE
REPRESENTATIVE
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



NGUYỄN GIANG NAM



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY
VÀ
CÁC CÔNG TY CON**



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 06
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	07 - 09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11 - 12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 60

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần BCG Energy và các công ty Con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung về Công ty

Công ty Cổ phần BCG Energy (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/6/2017 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 vào ngày 06/6/2025 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sàn giao dịch Upcom với mã cổ phiếu là BGE kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định số 836/QĐ-SGDHN ngày 23/7/2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch và Thông báo số 3449/TB-SGDHN ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc thông báo ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

Tên tiếng Anh: BCG ENERGY JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: BCG ENERGY.

Mã chứng khoán: BGE.

Trụ sở chính: LK10-21, đường Trần Quý Kiên, phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Tập đoàn được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Ng Wee Siong, Leonard	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)
Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/3/2024)
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch HĐQT
(*) Ông Hoàng Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)
Ông Nguyễn Trung Trực	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)
(*) Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
(*) Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đồng Hải Hà	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Viết Cường	Phó Ban
(*) Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)
Ông Tan Bo Quan Andy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/3/2024)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/3/2024)
Ông Đặng Đình Quyết	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/9/2024)
Ông Phạm Lê Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/11/2024)
(*) Ông Hoàng Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/9/2024)
Bà Vũ Văn Ngọc Nicki	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/9/2024)
Ông Lưu Khánh Trường	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông Ng Wee Siong, Leonard	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 17/4/2024 đến nay)
Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 16/4/2024)
Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc

(*) Các thành viên này đã nộp đơn từ nhiệm chức vụ trong ngày 11, 12/3/2025 và đang chờ Đại hội Đồng cổ đông thông qua.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn

Tổng Giám đốc

Số: B0625207-HN/MOORE AISC-DN7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của **Công ty Cổ phần BCG Energy** (gọi tắt là "Công ty") và các công ty Con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 18 tháng 7 năm 2025, từ trang 07 đến trang 60, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Liên quan đến các khoản đặt cọc mua cổ phần, tạm ứng, và các khoản hợp tác kinh doanh như được thuyết minh tại báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi nhận thấy phát sinh các vấn đề như sau:

+ Khoản phải thu từ đặt cọc mua cổ phần tại ngày 31/12/2024 là 39.000.000.000 VND (mục V.4.(iii)) giữa Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long (công ty Con) và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Xây Dựng Tracodi (tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải).

+ Các khoản tạm ứng phát sinh tại Công ty CP BCG Điện Gió Điện Biên Đông và Công ty CP Aton (các công ty Con) đến cá nhân Ông Đặng Đình Quyết (Phó Tổng Giám đốc của Công ty BCG Energy) với giá trị là 34,99 tỷ VND (V.4.(iv)) vào các ngày 24/5/2024 và ngày 29/6/2024. Các khoản tạm ứng này được chi bằng tiền gửi ngân hàng ngay sau khi Công ty CP BCG Energy và các cổ đông khác góp vốn vào hai công ty Con này;

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

+ Các khoản phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh tại ngày 31/12/2024 là 3.210.481.000.000 VND (V.4.(v)) giữa một số công ty Con trong Tập đoàn và các đối tác nhận hợp tác kinh doanh nhằm thực hiện đầu tư phát triển các dự án điện gió, đốt rác phát điện và xử lý rác thải.

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về việc ký kết hợp đồng/thỏa thuận đặt cọc mua cổ phần, về tiến độ sử dụng dòng tiền BCC của các đối tác, về mục đích sử dụng khoản tiền tạm ứng của Ông Đặng Đình Quyết và khả năng thu hồi từ các khoản đặt cọc, tạm ứng, và BCC này. Tổng giá trị các khoản mục nêu trên là 3.284.471.000.000 VND, chiếm 17,9% tổng tài sản của Tập đoàn.

Ngoài ra, chúng tôi cũng không thể thu thập được tài liệu nào cho thấy khoản giao dịch hợp tác kinh doanh giữa Công ty CP Năng lượng BCG Thanh Hóa (công ty Con) và Công ty CP Đầu Tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa (công ty Liên kết), khoản đặt cọc mua cổ phần và khoản tạm ứng nêu trên đã được Hội đồng Quản trị của các công ty này phê duyệt chính thức phù hợp với quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật hiện hành. Điều này có thể ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các khoản hợp tác kinh doanh, khoản đặt cọc mua cổ phần và khoản tạm ứng đã được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản phải thu từ khoản đặt cọc, tạm ứng, và các khoản hợp tác kinh doanh đã nêu cũng như những ảnh hưởng khác (nếu có) đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

2. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi đã không nhận được đầy đủ thư xác nhận của các khoản mục sau:.

Khoản mục	Số dư tại ngày 31/12/2024	
Trả trước cho người bán	142.937.642.745 VND	thuyết minh tại Mục V.3
Phải trả người bán	467.527.982.231 VND	thuyết minh tại Mục V.15
Phải trả khác	974.721.322.617 VND	thuyết minh tại Mục V.17

Các thủ tục kiểm toán thay thế khác cũng chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá tính đầy đủ của các khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần BCG Energy và các công ty Con** tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến các vấn đề như sau:

- Như mục VIII.1c của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất về mức giá mua điện mà Công ty CP BCG Vĩnh Long và Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch (hai công ty Con) được hưởng theo Quyết định 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 cho dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO Vĩnh Long và các dự án Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ có ngày vận hành thương mại trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Tại mục V.4(v.2) của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến các khoản phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) tại ngày 31/12/2024 là 3.093.167.000.000 VND giữa một số công ty Con trong Tập đoàn và các đối tác BCC để thực hiện đầu tư phát triển các dự án điện gió, đốt rác phát điện và xử lý rác thải. Các giao dịch hợp tác kinh doanh nêu trên đã được Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị của một số công ty Con phê duyệt bổ sung vào tháng 6/2025.

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp theo)

- Tại ngày 31/12/2024, Tập đoàn có các khoản đầu tư vào Công ty liên kết (mục V.10.2d - 474.039.231.481 VND), khoản cho vay (mục V.5 - 56.220.000.000 VND) và khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh (mục V.4(v.1) - 300.000.000.000 VND) với tổng giá trị là 830.259.231.481 VND. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã thận trọng ghi nhận lỗ đối với toàn bộ giá trị đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết; trích lập dự phòng 100% đối với các khoản cho vay và phải thu từ hợp tác kinh doanh nêu trên theo nguyên tắc kế toán về đánh giá khả năng thu hồi/suy giảm giá trị đầu tư. Mức tổn thất cụ thể có thể thay đổi tùy thuộc vào thực tế phát sinh.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 29 tháng 02 năm 2024.

Kiểm toán viên tiền nhiệm đã nhấn mạnh rằng tại ngày 31/12/2023, Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch (công ty Con) ghi nhận khoản phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") với tổng giá trị là 54.407.098.920 đồng, liên quan đến doanh thu điện từ công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 Giai đoạn 2 và công suất 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2, được ước tính theo đơn giá trần quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 07/01/2023.

Tại ngày 31/12/2024, số dư khoản phải thu khách hàng ngắn hạn này là 153.327.855.719 đồng (tại mục V.2 Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất). Tính đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch đã ký các hợp đồng sửa đổi bổ sung, điều chỉnh đơn giá điện chính thức cho sản lượng điện nêu trên với EVN (tại mục VIII.2 Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất về sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính). Theo đó, các khoản phải thu từ doanh thu ước tính theo giá trần tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 31/12/2024 so với đơn giá chính thức đã thỏa thuận với EVN là phù hợp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



NGUYỄN VĂN TUYỀN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0111-2023-005-1

HÀ NGUYỄN HOÀNG NHÂN

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 5908-2023-005-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B 01 - DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.615.304.283.488	7.578.000.812.167
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	221.563.900.097	324.257.433.673
1. Tiền	111		183.549.150.657	74.531.880.865
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.014.749.440	249.725.552.808
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.980.002.315	39.180.002.315
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10.1	38.980.002.315	39.180.002.315
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.302.948.504.670	7.159.041.969.387
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	656.444.229.847	317.900.737.762
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	837.719.951.497	1.108.502.551.579
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	509.202.506.902	109.645.483.975
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	5.773.210.330.931	5.622.993.196.071
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.9	(473.628.514.507)	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.714.322.303	813.889.293
1. Hàng tồn kho	141		1.714.322.303	813.889.293
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		50.097.554.103	54.707.517.499
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	9.777.249.322	8.452.493.099
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40.320.304.781	46.255.024.400

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B 01 - DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.729.040.534.013	11.458.553.390.625
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		261.113.626.237	510.948.971.289
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	41.009.327.331	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	197.597.000.000	10.698.022.927
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	22.507.298.906	500.250.948.362
II. Tài sản cố định	220		8.842.354.518.919	9.399.728.038.087
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	8.447.997.047.615	8.994.944.695.897
- Nguyên giá	222		10.380.306.104.480	10.403.015.587.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.932.309.056.865)	(1.408.070.892.062)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.7	723.833.196	958.589.904
- Nguyên giá	225		1.232.472.730	1.232.472.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(508.639.534)	(273.882.826)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	393.633.638.108	403.824.752.286
- Nguyên giá	228		420.826.943.652	420.826.943.652
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.193.305.544)	(17.002.191.366)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.102.226.502.006	1.073.431.031.494
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	1.102.226.502.006	1.073.431.031.494
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10.2	388.142.321.026	339.092.799.513
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		388.142.321.026	258.092.799.513
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		81.000.000.000	81.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(81.000.000.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		135.203.565.825	135.352.550.242
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	69.713.347.344	61.131.031.953
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13a	8.180.006.533	8.558.450.265
3. Lợi thế thương mại	269	V.14	57.310.211.948	65.663.068.024
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		18.344.344.817.501	19.036.554.202.792

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.384.682.626.988	9.300.452.205.369
I. Nợ ngắn hạn	310		3.338.003.157.510	3.079.292.264.807
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.15a	1.386.183.332.109	1.223.109.690.620
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	31.210.631.201	35.567.587.582
3. Phải trả người lao động	314		3.664.842.879	2.756.170.500
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	284.691.283.814	265.181.718.883
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	114.021.887.481	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	182.785.872.612	189.309.039.132
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	1.335.445.307.414	1.363.368.058.090
II. Nợ dài hạn	330		6.046.679.469.478	6.221.159.940.562
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15b	369.157.333.980	250.864.145.998
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		8.826.290	13.640.642
3. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	856.000.000.000	856.000.000.000
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	4.742.790.904.521	5.034.922.124.978
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13b	78.722.404.687	79.360.028.944
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.959.662.190.513	9.736.101.997.423
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	8.959.662.190.513	9.736.101.997.423
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(575.837.354.077)	186.649.401.164
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		186.649.401.164	247.103.099.050
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(762.486.755.241)	(60.453.697.886)
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.235.499.544.590	2.249.452.596.259
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		18.344.344.817.501	19.036.554.202.792

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thùy Dung



Lưu Khánh Trường



Phạm Minh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.277.694.791.494	1.125.647.318.634
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.277.694.791.494	1.125.647.318.634
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	650.282.414.331	590.598.766.182
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		627.412.377.163	535.048.552.452
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	629.765.534.705	744.073.568.740
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	990.937.607.031	1.345.278.223.299
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>664.893.719.014</i>	<i>967.422.134.827</i>
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		(488.401.655.618)	(50.179.278.369)
9. Chi phí bán hàng	25		-	19.719.114
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	546.869.945.113	70.352.394.627
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		(769.031.295.894)	(186.707.494.217)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	43.972.443.838	49.116.675.413
13. Chi phí khác	32	VI.7	17.213.194.551	9.904.722.332
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		26.759.249.287	39.211.953.081
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(742.272.046.607)	(147.495.541.136)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	24.006.730.499	6.608.375.513
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(259.180.525)	(1.383.490.585)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(766.019.596.581)	(152.720.426.064)
Cổ đông của Công ty mẹ	61		(731.041.342.553)	(35.911.486.594)
Cổ đông không kiểm soát	62		(34.978.254.028)	(116.808.939.470)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(1.001)	(77)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(1.001)	(77)

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dung

Kế toán trưởng

Lưu Khánh Trường

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(742.272.046.607)	(147.495.541.136)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		543.504.481.312	496.312.234.192
- Các khoản dự phòng	03		554.628.514.506	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		114.526.492.271	99.735.147.130
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		431.468.551.814	23.447.281.112
- Chi phí lãi vay	06		663.464.404.738	986.624.162.324
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.565.320.398.034	1.458.623.283.622
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		719.687.787.302	(994.459.161.216)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(900.433.010)	(60.841.771)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		290.203.695.851	499.291.749.224
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(15.491.760.846)	2.482.534.409
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	34.930.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(630.461.975.001)	(1.011.756.219.212)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(27.260.507.640)	(22.714.777.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.901.097.204.690	(33.663.432.592)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(124.898.065.793)	(200.417.290.383)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		22.468.229.312	17.748.194.897
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(707.120.128.000)	(420.130.966.649)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		120.864.128.000	492.522.867.010
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(924.279.992.000)	(47.407.409.286)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.536.601.626	587.219.527
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.720.328.495	44.949.063.659
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.588.708.898.360)	(112.148.321.225)

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B 03 - DN/HN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		3.156.000.000	2.800.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		1.369.600.772.347	1.950.048.347.604
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.787.713.134.569)	(4.606.691.398.652)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(271.144.000)	(271.144.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(415.227.506.222)	135.385.804.952
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(102.839.199.892)	(10.425.948.865)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		324.257.433.673	334.627.824.244
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		145.666.316	55.558.294
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	221.563.900.097	324.257.433.673

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dung

Kế toán trưởng

Lưu Khánh Trường

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần BCG Energy (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/6/2017 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 vào ngày 06/6/2025 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sàn giao dịch Upcom với mã cổ phiếu là BGE kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định số 836/QĐ-SGDHN ngày 23/7/2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch và Thông báo số 3449/TB-SGDHN ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc thông báo ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 7,3 nghìn tỷ VND, được chia thành 730 triệu cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

Trụ sở chính: LK10-21, đường Trần Quý Kiên, phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý; sản xuất và bán điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất: Không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: 107 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 128 nhân viên)

7. Cấu trúc Tập đoàn

7.1. Tổng số các công ty Con:

Tập đoàn có mười tám (18) công ty Con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

7.2. Danh sách các công ty Con được hợp nhất:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có mười hai (12) công ty Con sở hữu trực tiếp, cụ thể như sau:

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Sản xuất điện	90,00%	90,00%	90,00%
Địa chỉ: Số 31 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.				
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch (*)	Sản xuất điện	41,28%	41,28%	51,00%
Địa chỉ: Tỉnh lộ 639, thôn 8 Đông, Xã Mỹ Thắng, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.				
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Sản xuất điện	51,00%	51,00%	51,00%
Địa chỉ: Buôn Chư Jut, Xã Chư Gu, Huyện Krông Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.				
Công ty CP BCG Vĩnh Long	Sản xuất điện	50,50%	50,50%	50,50%
Địa chỉ: Số 356, tổ 13, ấp Phú Tân, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.				

7.2. Danh sách các công ty Con được hợp nhất (tiếp theo):

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Skylar	Sản xuất điện - Tư vấn quản lý	99,00%	99,00%	99,00%
Địa chỉ: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.				
Công ty CP BCG GAIA	Tư vấn quản lý	50,23%	50,23%	50,97%
Địa chỉ: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.				
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Sản xuất điện	90,00%	90,00%	90,00%
Địa chỉ: Hẻm 1, Đường TL934, Ấp Hòa Mỹ, Thị Trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.				
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Sản xuất điện	99,90%	99,90%	100,00%
Địa chỉ: Số 207, Ấp Giồng Giếng, Xã Dân Thành, Thị Xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.				
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Sản xuất điện	99,93%	99,93%	100,00%
Địa chỉ: Số 207, Ấp Giồng Giếng, Xã Dân Thành, Thị Xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.				
Công ty CP Aurai Wind Energy	Sản xuất điện	99,00%	99,00%	99,00%
Địa chỉ: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.				
Công ty CP BCG Điện Gió Điện Biên Đông	Sản xuất điện	99,98%	99,98%	99,98%
Địa chỉ: 86A đường Hòa Bình, tổ dân phố 10, Phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, Điện Biên.				
Công ty CP Aton	Truyền tải và phân phối điện	85,00%	85,00%	85,00%
Địa chỉ: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.				
(*) Theo các ủy quyền biểu quyết vô điều kiện và không hủy ngang ngày 27/12/2021, Công ty nhận được thêm quyền biểu quyết thông qua sự ủy quyền của một số cổ đông khác của Năng Lượng Xanh và nắm giữ quyền biểu quyết là 51% tại Năng Lượng Xanh. Do đó, khoản đầu tư vào Năng Lượng Xanh được trình bày là một khoản đầu tư vào công ty Con.				
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có sáu (06) công ty Con sở hữu gián tiếp, cụ thể như sau:				
Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Herb Solar	Sản xuất điện	69,00%	68,31%	69,00%
Địa chỉ: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.				
Công ty CP Orchid Solar	Sản xuất điện	69,00%	68,31%	69,00%
Địa chỉ: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.				
Công ty CP Violet Solar	Sản xuất điện	69,00%	68,31%	69,00%
Địa chỉ: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.				
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Sản xuất điện	99,90%	50,23%	99,90%
Địa chỉ: Ấp 1, Xã Thạnh An, Huyện Thạnh Hoá, Tỉnh Long An, Việt Nam.				

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.2. Danh sách các công ty Con được hợp nhất (tiếp theo):

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương	Sản xuất điện	99,90%	50,23%	99,90%
Địa chỉ: Ấp 1, Xã Thạnh An, Huyện Thạnh Hoá, Tỉnh Long An, Việt Nam.				
Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	Sản xuất điện	99,80%	98,80%	99,80%
Địa chỉ: 44 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.				

Theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐQT-SKYLAR ngày 04/9/2024, HĐQT của Công ty CP Skylar (công ty Con trực tiếp của Công ty) đã phê duyệt chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư tương ứng 211.178 cổ phần của Công ty CP Greensky Infinitive. Các thủ tục chuyển quyền sở hữu tại Công ty CP Greensky Infinitive đã được hoàn tất vào ngày 05/9/2024. Từ ngày này, Công ty CP Greensky Infinitive không còn là công ty Con gián tiếp của Công ty thông qua Công ty CP Skylar.

Theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-ĐHĐCĐ-COSMOS ngày 06/12/2023, Đại hội Đồng cổ đông của Công ty CP Cosmos Solar (công ty Con trực tiếp Công ty CP Skylar) đã phê duyệt giải thể Công ty CP Cosmos Solar. Công ty CP Cosmos Solar chính thức giải thể vào ngày 20/02/2024.

Tỷ lệ quyền biểu quyết được xác định căn cứ vào số cổ phần phổ thông đã phát hành của các công ty Con thuộc hình thức sở hữu là công ty cổ phần; và căn cứ vào tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của các công ty Con thuộc hình thức sở hữu là trách nhiệm hữu hạn.

7.3. Danh sách các công ty Liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có tám (08) công ty Liên kết, cụ thể như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Skylight Power	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	25,00%	25,00%	25,00%
Công ty CP BCG - SP Greensky	49,50%	49,50%	50,00%
(*) Công ty Cổ Phần TSN Long An	45,00%	45,00%	45,00%
(*) Công ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	45,00%	45,00%	45,00%
(*) Công ty Cổ Phần TSN Huế	45,00%	45,00%	45,00%
(*) Công ty Cổ Phần TSN Hà Nam	45,00%	45,00%	45,00%

(*) Tính đến ngày 31/12/2024, các công ty này chưa hoàn tất các thủ tục góp vốn như đã thuyết minh tại mục V.10.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

9. Áp dụng cơ sở hoạt động liên tục trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần trong ít nhất 12 tháng tới kể từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tập đoàn áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần BCG Energy và các công ty Con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty Con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty Con, và chấm dứt vào ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các công ty Con.

Các báo cáo tài chính của các công ty Con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty Con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty Con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty Con.

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua công ty Con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty Con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Tập đoàn đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi từ giao dịch mua giá rẻ phát sinh từ khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư vào công ty con nhỏ hơn phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty Con tại ngày mua. Lãi từ giao dịch mua rẻ được ghi nhận vào thu nhập khác tại ngày mua.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Xác định tỷ giá quy đổi các giao dịch phát sinh

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.

Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tập đoàn thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm 31/12/2024.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm 31/12/2024.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn vào đơn vị khác nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty Con).

Các khoản cổ tức được chia

Đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu, Tập đoàn chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư không phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán – cung cấp dịch vụ giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn;
- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán: theo đánh giá về khả năng thu hồi của Ban Tổng Giám đốc;
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Tài sản cố định (TSCĐ)

7.1 TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.2 TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi được ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

7.3 TSCĐ thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

7.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	20 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 07 năm
Giấy phép đầu tư	50 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay) có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Tập đoàn ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

Khi nhận tiền, tài sản của các các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, Tập đoàn ghi nhận là nợ phải trả và không ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

BCC chia lợi nhuận trước thuế là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát, trong đó:

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) (tiếp theo)

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

Nếu Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ doanh thu và chi phí theo tỷ lệ tham gia cho các bên tham gia BCC trong kỳ.

Nếu Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty sẽ ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần doanh thu và chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Tập đoàn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

11. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

12. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

13. Các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Trái phiếu

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu theo phương pháp đường thẳng

- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

15. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ theo Hợp đồng lao động và Quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng với tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương cơ bản của người lao động.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

17. Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm (5) điều kiện sau: 1. Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Tập đoàn thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của Tập đoàn (thanh lý các khoản vốn góp đầu tư; lãi tỷ giá hối đoái; lãi chuyển nhượng vốn)...

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

22. Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Tập đoàn trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế suất Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế; đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tập đoàn là 20%. Riêng đối với các dự án đầu tư điện mặt trời sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định ưu đãi thuế TNDN theo điều 23, Thông tư 78/2014/TT-BTC ("Thông tư 78"), cụ thể như sau:

- Tại Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch và Công ty CP Năng lượng Hanwha BCG Băng Dương: Tập đoàn áp dụng mức thuế suất TNDN là 10% trong 15 năm. Được miễn 04 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến 2024) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2033).

- Tại Công ty CP Năng lượng BCG Băng Dương: Tập đoàn áp dụng mức thuế suất TNDN là 10% trong 15 năm. Được miễn 04 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến 2022) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

24. Các bên liên quan

Theo chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại Tập đoàn như sau:

(i) Các công ty liên kết;

(ii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Tập đoàn, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với Tập đoàn như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(iii) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

24. Các bên liên quan (tiếp theo)

(iv) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (ii) hoặc trường hợp (iii) nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Tập đoàn. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Tập đoàn và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Tập đoàn.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

25. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền	183.549.150.657	74.531.880.865
Tiền mặt	63.509.696	63.509.696
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	183.485.640.961	74.468.371.169
Các khoản tương đương tiền	38.014.749.440	249.725.552.808
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (lãi suất: 1,5% - 3,4%/năm)	38.014.749.440	249.725.552.808
Cộng	221.563.900.097	324.257.433.673

(*) Trong đó, số tiền gửi ngân hàng đang dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty CP BCG GAIA và Công ty CP Aurai Wind Energy (công ty Con) là 25.676.284.794 VND (Xem thuyết minh V.19)

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	656.444.229.847	(191.557.800)	317.900.737.762	-
Khách hàng trong nước				
Phải thu các bên liên quan (xem thuyết minh VIII.3)	31.172.783.000	(191.557.800)	13.102.847.480	-
Công ty Mua bán điện (*)	616.215.199.175	-	295.338.153.305	-
Các khách hàng khác	9.056.247.672	-	9.459.736.977	-
Khách hàng nước ngoài (298,986.97 USD)				
Leader Energy Holding Berhad	6.616.886.229	-	-	-
Leader Energy Ventures SDN. BHD.	932.534.768	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Phải thu của khách hàng (tiếp theo)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn	41.009.327.331	-	-	-
Công ty Mua bán điện (*)	41.009.327.331	-	-	-
Cộng	697.453.557.178	(191.557.800)	317.900.737.762	-

(*) Tại ngày 31/12/2024 và ngày 31/12/2023, Tập đoàn đã thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Tập đoàn và Công ty Mua bán điện cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh tại V.19).

Số dư khoản phải thu ngắn hạn của Công ty Mua bán điện tại 31/12/2024 chi tiết bao gồm các khoản chính sau:

- Số dư khoản phải thu ngắn hạn của Công ty Mua bán điện tại 31/12/2024 của Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương (công ty Con - gọi tắt là Hanwha Băng Dương) với số tiền là 353.959.919.807 VND đến từ Nhà máy Điện mặt trời GAIA. Theo thông báo Thanh tra Chính phủ số 3116/TB-TTCP ngày 25/12/2023, dự án Nhà máy điện mặt trời GAIA do Hanwha Băng Dương làm chủ đầu tư đã được vận hành thương mại khi chưa được Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư. Tuy nhiên, đến ngày 24/01/2025, Hanwha Băng Dương đã được Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chấp thuận kết quả nghiệm thu dự án.

- Khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn của Công ty Mua bán điện của Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Xanh (công ty Con - gọi tắt Năng Lượng Xanh) bao gồm khoản phải thu với giá trị là 112.547.845.079 VND phát sinh từ doanh thu đã được quyết toán trong năm theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký trước ngày 31/12/2024 và tính đến thời điểm này, Năng Lượng Xanh đã thu hồi toàn bộ số tiền này; khoản phải thu với giá trị là 153.327.855.719 VND phát sinh từ doanh thu tạm tính theo đơn giá trần cho phần công suất điện thuộc giai đoạn 2 dự án Điện năng lượng mặt trời Phù Mỹ 1 và 3 trong giai đoạn từ tháng 5/2023 (Không bao gồm phần phải thu đã được quyết toán theo giá mua điện tạm bằng 50% giá trần quy định tại hợp đồng, các phụ lục đã ký trước ngày 31/12/2024). Công ty đã đạt thỏa thuận giá bán điện chính thức cho phần công suất điện này sau ngày kết thúc năm tài chính (Thuyết minh tại mục VIII.2):

+ Liên quan đến doanh thu ước tính cho phần công suất 83,10 MWp của nhà máy Điện mặt trời Phù Mỹ 1 - Giai đoạn 2 từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024 có giá trị đến ngày 31/12/2024 là 111.841.686.064 VND hai bên sẽ thực hiện thanh lý quyết toán số tiền này trong vòng 1 năm kể từ ngày hợp đồng sửa đổi có hiệu lực (tháng 2 năm 2025).

+ Liên quan đến doanh thu ước tính cho phần công suất 31,10 MWp của nhà máy Điện mặt trời Phù Mỹ 3 - Giai đoạn 2 từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024 có giá trị đến ngày 31/12/2024 là 41.486.169.655 VND hai bên sẽ thực hiện thanh lý quyết toán số tiền này trong vòng 2 năm kể từ ngày hợp đồng sửa đổi có hiệu lực (tháng 4 năm 2025).

Năng lượng Xanh dùng quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Thuyết minh V.19).

Tại ngày 31/12/2024, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng đến 15 tháng nhưng chưa trích lập dự phòng là 185.915.071.585 VND. Tuy nhiên, trong tháng 02/2025, Tập đoàn đã thu hồi được 1 phần số dư công nợ trên với số tiền là 129.113.990.708 VND. Dựa trên các thông tin hiện có tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các khoản công nợ quá hạn trên có khả năng thu hồi và không trích lập dự phòng.

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Nhà cung cấp trong nước	694.782.308.752	(1.026.506.600)	965.564.908.834	-
Các bên liên quan (xem thuyết minh VIII.3)	20.171.356.008	-	53.734.324.321	-
Công ty TNHH TM DV MTV Huỳnh Phát Huy	470.937.900.000	-	670.937.900.000	-
Công ty TNHH Tổng hợp Hưng Lộc	74.233.064.600	-	74.233.064.600	-
Các đối tượng khác	129.439.988.144	(1.026.506.600)	166.659.619.913	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trả trước cho người bán (tiếp theo)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nhà cung cấp nước ngoài				
(6.138.389 USD)	142.937.642.745	-	142.937.642.745	-
Powerchina International				
Group Limited	142.937.642.745	-	142.937.642.745	-
Cộng (*)	837.719.951.497	(1.026.506.600)	1.108.502.551.579	-

(*) Chủ yếu là các khoản trả trước tiền cho các Tập đoàn để thực hiện các hợp đồng cung cấp và thi công xây dựng cho Dự án của Tập đoàn. Tuy nhiên đến hiện tại dự án vẫn chưa hoàn thiện về các hồ sơ pháp lý nên vẫn chưa thực hiện được các công việc tiếp theo. Số dư trả trước cho người bán chưa có thư xác nhận phản hồi là 142.937.642.745 VND.

4. Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	5.773.210.330.931	(308.955.966.132)	5.622.993.196.071	-
a.1. Phải thu khác từ bên thứ ba	1.522.684.223.143	(308.284.357.442)	2.295.345.173.388	-
- Lãi dự thu các khoản cho vay, tiền gửi, hợp tác đầu tư	51.908.766.002	(8.284.357.442)	236.359.028.618	-
(i) - Khoản đặt cọc cho Bà Nguyễn Thị Bích Lan	592.896.600.000	-	-	-
(ii) - Khoản đặt cọc cho Công ty TNHH SX – XNK – TM DV Tổng hợp Hoàng Vũ	118.935.250.000	-	-	-
(v) - Các khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	750.501.000.000	(300.000.000.000)	2.023.598.000.000	-
- Tạm ứng	3.408.972.538	-	29.633.722.260	-
- Các khoản khác	5.033.634.603	-	5.754.422.510	-
a.2. Phải thu khác từ các bên liên quan (*)	4.250.526.107.788	(671.608.690)	3.327.648.022.683	-
(iii) - Khoản đặt cọc cho Công ty CP Tập Đoàn Xây Dựng Tracodi	39.000.000.000	-	-	-
- Tạm ứng cho ông Đặng				
(iv) Đình Quyết	61.141.612.674	-	-	-
- Tạm ứng cho cá nhân khác	800.000.000	-	-	-
(v) - Các khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	4.114.751.635.067	-	3.294.931.455.067	-
- Lãi dự thu các khoản cho vay, hợp tác đầu tư	33.873.419.062	-	30.704.148.230	-
- Các khoản khác	959.440.985	(671.608.690)	2.012.419.386	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Phải thu khác (tiếp theo)	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn	22.507.298.906	-	500.250.948.362	-
b.1. Phải thu khác từ bên thứ ba	11.126.298.906	-	490.250.948.362	-
- Các khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	479.100.000.000	-
- Ký quỹ dài hạn	11.077.000.000	-	11.077.000.000	-
- Các khoản khác	49.298.906	-	73.948.362	-
b.2. Phải thu khác từ các bên liên quan (*)	11.381.000.000	-	10.000.000.000	-
(v) - Các khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	11.381.000.000	-	10.000.000.000	-
Cộng	5.795.717.629.837	(308.955.966.132)	6.123.244.144.433	-

(*) Chi tiết bên liên quan: xem Thuyết minh VIII.3.

(i) Theo Nghị quyết số 57/2024/NQ-HĐQT-BCGE ký ngày 31/12/2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của 13 thửa đất tọa lạc tại xã Lộc Quảng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng do bà Nguyễn Thị Bích Lan là chủ sở hữu. Cùng ngày, Công ty và Bà Nguyễn Thị Bích Lan đã ký kết hợp đồng về việc đặt cọc và các nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 31/12/2024. Thời hạn chuyển nhượng là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng hoặc một thời gian dài hơn tùy theo thỏa thuận của các bên tại từng thời điểm.

(ii) Khoản đặt cọc cho việc nhận chuyển nhượng 17.150.000 cổ phần chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty CP BCG Vĩnh Long (hiện tại cũng là công ty Con của Công ty) từ Công ty TNHH Sản xuất – Xuất Nhập khẩu – Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Hoàng Vũ theo hợp đồng mua bán cổ phần số 01/2024/HĐMBCP/HV-BCGE ký ngày 31/12/2024 với giá chuyển nhượng 125.195.000.000 VND. Tính đến ngày lập báo cáo này, hai bên chưa tiến hành việc chuyển nhượng.

(iii) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Tập Đoàn Xây Dựng Tracodi (tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải) (Tracodi) theo ủy nhiệm chi chuyển tiền đặt cọc ngày 30/8/2024. Đến ngày 01/7/2025, theo biên bản xác nhận thanh toán số 010725/BCGVL-TCD ngày 01/7/2025, Tracodi đã thừa nhận và đồng ý xác nhận số tiền 39.000.000.000 VND mà Công ty đã chuyển cho Tracodi vào ngày 30/8/2024 là Tiền Đặt Cọc để đảm bảo cho việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp thuộc sở hữu của Tracodi là 117.600.000.000 VND tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên (công ty Con), tương đương 49% vốn điều lệ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên với giá trị chuyển nhượng: 117.600.000.000 VND sau khi các điều kiện tiên quyết được đáp ứng.

(iv) Khoản tạm ứng cho ông Đặng Đình Quyết cho mục đích làm công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án của Tập đoàn. Trong đó, bao gồm các khoản tạm ứng của Công ty CP BCG Điện Gió Điện Biên Đông và Công ty CP Aton (hai công ty Con) cho ông Đặng Đình Quyết (Phó Tổng Giám đốc của Công ty CP BCG Energy) với giá trị là 34,99 tỷ VND vào ngày 24/5/2024 và ngày 29/6/2024. Các khoản tạm ứng này được chi bằng tiền gửi ngân hàng ngay sau khi Công ty CP BCG Energy và các cổ đông khác góp vốn vào hai công ty Con này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.4. Phải thu khác (tiếp theo)

(v) Chi tiết số dư phải thu từ hợp tác đầu tư, kinh doanh (BCC) tại ngày 31/12/2024 như sau:

a. Ngắn hạn

Đối tác BCC	Số tiền (VND)	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 1	1.659.813.855.067	Sau khi gia hạn: từ ngày 20/4/2021 - 20/4/2025	Dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư	- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn hưởng khoản lợi nhuận cố định không ít hơn 9%/năm trên tổng số dư góp vốn; - Sau khi dự án đi vào hoạt động, có doanh thu, tạo ra lợi nhuận: phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế nhân (x) tỷ lệ vốn góp; - Dự án đang trong quá trình xây dựng.
Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 2	6.237.780.000	Các bên đã thỏa thuận chấm dứt hợp tác BCC vào ngày 25/12/2024	Dự án Nhà máy Điện gió Khai Long giai đoạn 2 do Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 2 làm chủ đầu tư	- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn hưởng khoản lợi nhuận cố định không ít hơn 9%/năm trên tổng số dư góp vốn.
Công ty CP Dầu tự - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	(v.2) 466.993.000.000	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Dự án Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa	Sau khi dự án đi vào hoạt động, có doanh thu, tạo ra lợi nhuận: phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế nhân (x) tỷ lệ vốn góp;
	(v.2) 1.044.187.000.000	12 tháng kể từ ngày 20/8/2024		- Đối tác BCC/Bên kiểm soát là bên thực hiện phân chia lợi nhuận. - Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng hoặc theo thỏa thuận của các Bên.
	(v.2) 173.494.000.000	12 tháng kể từ ngày 26/8/2024	Dự án Nhà máy đốt rác Phát điện Tâm Sinh Nghĩa tại xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Chủ đầu tư của dự án là Công ty Cổ phần Dầu tự - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	- Đối tác BCC/Bên kiểm soát là bên thực hiện phân chia lợi nhuận; - Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 15%/năm khoản đóng góp của Bên đóng góp; - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện cuối mỗi tháng.
Công ty CP TSN Long An	(v.2) 334.384.000.000	12 tháng kể từ ngày 14/8/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy đốt rác Tâm Sinh Nghĩa - Long An	- Đối tác BCC/Bên kiểm soát là bên thực hiện phân chia lợi nhuận. - Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng hoặc theo thỏa thuận của các Bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.4. Phải thu khác (tiếp theo)

(v) Chi tiết số dư phải thu từ hợp tác đầu tư, kinh doanh (BCC) tại ngày 31/12/2024 (tiếp theo) như sau:

a. Ngắn hạn

Đối tác BCC	Số tiền (VND)	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
Công ty CP TSN Hòa Đất	(v.2) 302.142.000.000	12 tháng kể từ ngày 14/8/2024	Hợp tác đầu tư vào Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa - Kiên Giang.	- Đối tác BCC/Bên kiểm soát là bên thực hiện phân chia lợi nhuận. - Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng hoặc theo thỏa thuận của các Bên.
Công ty CP TSN Huế	(v.2) 127.500.000.000	12 tháng kể từ ngày 20/8/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy xử lý rác thải Thủy Phương.	- Đối tác BCC/Bên kiểm soát là bên thực hiện phân chia lợi nhuận. - Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng hoặc theo thỏa thuận của các Bên.
Công ty CP Mega Solar	(v.1) 300.000.000.000	Thời hạn hợp tác đến ngày 22/9/2025	Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn hướng khoản lợi nhuận cố định không ít hơn 9%/năm trên tổng số dư góp vốn; - Sau khi dự án đi vào hoạt động, có doanh thu, tạo ra lợi nhuận: phần chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế nhân (x) tỷ lệ vốn góp; - Dự án đang trong quá trình xây dựng.
	(v.2) 450.400.000.000	12 tháng kể từ ngày 15/8/2024	Dự án Nhà máy Điện Năng lượng Mặt trời Hoa Hướng Dương ("Dự án Sunflower") do Công ty CP Đầu tư Tân Thạnh Diamond chịu trách nhiệm triển khai các thủ tục pháp lý ban đầu, đền bù giải phóng mặt bằng, tư vấn đầu tư; thi công xây dựng; lắp đặt thiết bị cho Dự án này.	- Đối tác BCC/Bên kiểm soát là bên thực hiện phân chia lợi nhuận. - Theo một khoản thu nhập trước lãi vay và thuế ("EBIT") được phân phối từ doanh thu do các Dự án tạo ra trong thời hạn hợp tác, nhưng không ít hơn 9%/năm khoản đóng góp của Bên đóng góp. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào mỗi cuối tháng.
Công ty CP Đầu tư Tân Thạnh Diamond	101.000.000	Sau khi gia hạn: từ ngày 27/12/2021 - 27/12/2024		- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn hướng khoản lợi nhuận cố định không ít hơn 18,65%/năm trên tổng số dư góp vốn; - Sau khi dự án đi vào hoạt động, có doanh thu, tạo ra lợi nhuận: phần chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế nhân (x) tỷ lệ vốn góp;
Cộng ngắn hạn	4.865.252.635.067			

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.4. Phải thu khác (tiếp theo)

(v) Chi tiết số dư phải thu từ hợp tác đầu tư, kinh doanh (BCC) tại ngày 31/12/2024 (tiếp theo) như sau:

b. Dài hạn

Đối tác BCC	Số tiền (VND)	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 2	(v.2) 11.381.000.000	Thời hạn hợp tác đến ngày 22/02/2027	Dự án Nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2 với công suất 100MWp tại ấp Khai Long, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Chủ đầu tư của dự án là Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 2	- Tập đoàn được hưởng một phần khoản thu nhập trước thuế được phân phối từ doanh thu tạo ra từ dự án trong thời gian hợp tác, tương ứng với tỷ lệ đóng góp; - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng hoặc theo thỏa thuận khác của các bên.
Cộng dài hạn	11.381.000.000			

(v.1) Khoản hợp tác kinh doanh (BCC) với Công ty CP Mega Solar có giá trị là 300 tỷ VND, với quan điểm thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng khó đòi 100% do đánh giá không có khả năng thu hồi.

(v.1) và (v.2) Trong năm 2024, các giao dịch hợp tác kinh doanh (BCC) được ký kết của giữa một số công ty Con trong Tập đoàn và các đối tác BCC (có giá trị 3.210.481.000.000 VND) để thực hiện đầu tư phát triển các dự án điện gió, đốt rác phát điện và xử lý rác thải, nhưng chưa được Hội đồng thành viên/Hội đồng Quản trị phê duyệt chính thức tại thời điểm giao dịch theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

+ Tính đến tháng 6/2025, Hội đồng thành viên/Hội đồng Quản trị của một số công ty Con này đã thông qua nghị quyết để ghi nhận hiện trạng các hợp đồng, các giao dịch hợp tác kinh doanh nêu trên với giá trị 3.093.167.000.000 VND.

+ Hội đồng Quản trị của Công ty CP Năng lượng BCG Thanh Hóa (công ty Con) vẫn chưa phê duyệt chính thức giao dịch hợp tác kinh doanh với Công ty CP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa với giá trị giao dịch là 117.314.000.000 VND

Đối với các dự án điện gió, đốt rác, phát điện và xử lý rác thải ("dự án"): đang trong giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi tiến hành xây dựng. Trong đó, dự án dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và kế hoạch triển khai Quy hoạch điện VIII. Tiếp theo đó, Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác và trao đổi với các chủ thầu xây dựng để có thể tiếp tục phát triển các dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của các dự án điện gió, đốt rác trong tương lai là cao. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ các khoản BCC này và đánh giá là không có khoản dự phòng nào cần phải lập cho việc khó thu hồi các khoản BCC nói trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu về cho vay	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	509.202.506.902	(163.454.483.975)	109.645.483.975	-
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.3)	332.789.022.927	(56.220.000.000)	109.038.483.975	-
Công ty CP E Power 1	129.016.483.975	(107.234.483.975)	-	-
Các đối tượng khác	47.397.000.000	-	607.000.000	-
b. Dài hạn	197.597.000.000	-	10.698.022.927	-
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.3)	197.597.000.000	-	10.698.022.927	-
Cộng (*)	706.799.506.902	(163.454.483.975)	120.343.506.902	-

(*) Các khoản cho vay theo từng hợp đồng cho vay cụ thể và phụ lục gia hạn hợp đồng; thời gian cho vay từ 12 tháng đến 36 tháng. Lãi suất cho vay theo từng hợp đồng, cao nhất là 14,05%/năm.

Trong đó, số dư cho vay tại 31/12/2024 bao gồm:

+ Số dư phải thu cho vay Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 1 ("Khai Long 1") là 272.620.000.000 VND và lãi cho vay phát sinh còn phải thu là 7.010.568.980 VND. Khai Long 1 đang tiến hành đàm phán giá thầu với tổng thầu. Sau đó, Khai Long 1 sẽ tiến hành tiếp tục các hạng mục xây dựng và đưa dự án vào triển khai hoạt động. Ban Tổng Giám đốc đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển dự án Nhà máy điện gió nêu trên trong tương lai là cao. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin rằng có khả năng thu hồi và đánh giá không có khoản dự phòng cần phải lập về khó thu hồi toàn bộ khoản gốc và lãi cho vay của Khai Long 1.

+ Số dư phải thu cho vay tín chấp đến Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và Công ty Cổ phần TSN Long An với tổng giá trị là 56.220.000.000 VND. Do không có đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định chính xác giá trị thuần có thể thu hồi của khoản mục này tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng nguyên tắc thận trọng và quyết định trích lập dự phòng 100% giá trị ghi sổ.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2024	01/01/2024
(i) Dự án nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2	851.885.814.612	782.154.991.965
(ii) Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 1	111.206.259.685	104.447.584.290
(iii) Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 2	17.907.408.943	70.910.802.204
(iv) Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 2	18.781.571.439	18.756.595.644
(iv) Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 3	18.794.568.714	18.769.592.919
(iv) Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 4	18.769.127.802	18.744.152.007
(iv) Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 5	16.450.567.846	16.428.331.589
(iv) Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 6	15.176.319.651	15.154.683.293
(iv) Dự án Nhà máy điện Phù Mỹ giai đoạn 2	13.100.928.847	15.057.093.230
(iv) Dự án nhà máy điện gió BCG Sóc Trăng 1	10.687.883.388	8.710.953.672
Các khoản mua sắm và đầu tư xây dựng cơ bản khác	9.466.051.079	4.296.250.681
Cộng	1.102.226.502.006	1.073.431.031.494

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)

- (i) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2 do Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên làm chủ đầu tư. Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư theo quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 25/05/2018 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai số 634/QĐ-UBND ngày 16/10/2023. Toàn bộ quyền tài sản thuộc dự án Krông Pa 2 đã được thế chấp cho đợt phát hành trái phiếu mã TNECH2227001, phát hành từ ngày 09/12/2022, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2022/TCQTS-KRONGPA2/TPS-TNE ngày 15/12/2022. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án về tiến độ như sau:
- + Đối với dự án 21 MWp: Vận hành thương mại khối lượng công việc vào quý IV/2025.
 - + Đối với dự án 28 MWp: Vận hành thương mại khối lượng công việc vào quý IV/2028.
- Số dư tại ngày 31/12/2024 của dự án này bao gồm chi phí xây dựng, chi phí mua thiết bị, chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với tổng giá trị là 707.116.895.753 VND; chi phí lãi vay vốn hóa là 89.358.376.342 VND và các chi phí liên quan đến dự án. Dự án này đang là tài sản thế chấp cho trái phiếu của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên phát hành theo Thuyết minh tại V.19.
- (ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án nhà máy Điện gió Đông Thành 1 do Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 (công ty Con) làm chủ đầu tư. Dự án này đã được chấp thuận chủ trương đầu tư lần đầu theo Quyết định số 413/UBND-KT ngày 26/02/2021 và chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ 02 theo Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp. Ngày 28/02/2025, Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh giao quyền sử dụng khu vực biển theo Quyết định số 392/QĐ-UBND. Số dư tại ngày 31/12/2024 bao gồm chi phí mua sắm thiết bị là 96.500.048.779 VND; chi phí lãi vay vốn hóa là 341.351.748 VND và các chi phí khác liên quan đến dự án. Tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024, tất cả các tài sản và giấy tờ, pháp lý thuộc dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1 đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty CP Aurai Wind Energy (xem tại thuyết minh V.19). Đến thời điểm lập báo cáo này, tiến độ thực hiện dự án đang chậm so với tiến độ đã được phê duyệt. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện trong tương lai của dự án là không suy giảm.
- (iii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án nhà máy Điện gió Đông Thành 2 do Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 (công ty Con) làm chủ đầu tư. Dự án này đã được chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1377/UBND - KT ngày 15/4/2021 và chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ 03 theo số 1046/QĐ - UBND ngày 14/6/2024 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp. Ngày 27/6/2024, Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh giao quyền sử dụng khu vực biển theo quyết định số 1089/QĐ - UBND. Số dư tại ngày 31/12/2024 bao gồm chi phí tư vấn, quản lý với tổng giá trị là 19.392.886.700 VND ; chi phí lãi vay vốn hóa là 47.523.146 VND và các chi phí khác liên quan đến dự án. Tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024, tất cả các tài sản và giấy tờ, pháp lý thuộc dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2 đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty CP Aurai Wind Energy (xem tại thuyết minh V.19).
- (iv) Tại ngày 31/12/2024, các dự án này đang là tài sản thế chấp cho các khoản vay được nêu tại Thuyết minh V.19.

7. Tài sản thuê tài chính (Phương tiện vận tải)

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
Nguyên giá	1.232.472.730	-	-	1.232.472.730
Giá trị hao mòn lũy kế	273.882.826	234.756.708	-	508.639.534
Giá trị còn lại	958.589.904			723.833.196

Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Tập đoàn sẽ mua lại tài sản với giá mua bằng giá trị còn lại của tài sản sau khi hết thời gian thuê là 1.500.000 VND.

8. Tài sản vô hình (Giấy phép đầu tư dự án)

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
Nguyên giá	420.826.943.652	-	-	420.826.943.652
Giá trị hao mòn lũy kế	17.002.191.366	10.191.114.178	-	27.193.305.544
Giá trị còn lại	403.824.752.286			393.633.638.108

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay: không có.
Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.9. Nợ xấu	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc
- Tổng giá trị các khoản phải thu, trả trước người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
	475.857.030.194	2.228.515.687		
Công ty CP E Power I	114.755.321.065	-	Khoản phải thu khó đòi quá hạn trên 3 năm	
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	3.000.000.000	-	Khoản phải thu dự phòng (100%)	
Công ty CP TSN Long An	53.220.000.000	-	Khoản phải thu dự phòng (100%)	
Công ty CP Mega Solar	300.000.000.000	-	Khoản phải thu dự phòng (100%)	
Các đối tượng phải thu khách hàng khác	638.526.000	446.968.200	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	
Các đối tượng phải thu khác	3.216.676.529	1.781.547.487	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 06 tháng đến trên 3 năm	
Các khoản trả trước người bán khác	1.026.506.600	-	Khoản phải thu dự phòng (100%)	

Giá trị có thể thu hồi đang được trình bày là phần giá trị thuần các khoản nợ phải thu chưa lập dự phòng do chưa vượt khoảng thời gian quá hạn như quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.10. Các khoản đầu tư tài chính

10.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng (lãi suất từ 4,2% - 5,8%/năm)

Cộng (*)

(*) Trong đó, số dư tiền gửi có kỳ hạn đang là tài sản thế chấp cho khoản vay của Công ty CP Aurai Wind Energy (công ty Con) là 22.387.622.315 VND (Xem thuyết minh tại V.19)

10.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

a. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2024		01/01/2024	
	Phần sở hữu (lãi (lỗ)) trong công ty liên kết		Phần sở hữu (lãi (lỗ)) trong công ty liên kết	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
(a) Công ty TNHH Skylight Power	24.529.900.000	(2.304.900.935)	24.952.712.350	(9.941.401.520)
(b) Công ty TNHH Hanwa BCGE O&M	2.205.000.000	4.127.349.258	2.205.000.000	8.769.228.607
(c) Công ty CP BCG - SP Greensky	411.512.000.000	(51.927.027.297)	256.012.000.000	(23.904.739.924)
Công ty CP Dầu tur - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	474.039.231.481	(474.039.231.481)		
Cộng	912.286.131.481	(524.143.810.455)	283.169.712.350	(25.076.912.837)

b. Đầu tư vào đơn vị khác

Các công ty khác

	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
(e) Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 1	59.400.000.000	(59.400.000.000)	Không áp dụng	59.400.000.000	-	Không áp dụng
(f) Công ty CP Năng lượng Dương Phong	21.600.000.000	(21.600.000.000)	Không áp dụng	21.600.000.000	-	Không áp dụng
Cộng	81.000.000.000	(81.000.000.000)		81.000.000.000	-	

(a) Công ty TNHH Skylight Power được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315194609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp ngày 30/7/2018 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 50 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của của Tập đoàn tại Công ty TNHH Skylight Power là 50%.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.10. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Theo biên bản họp Hội đồng Thành viên số 01/2024/BBH-HĐTV/SLYLIGHT ngày 15/8/2024, Hội đồng Thành Viên của Skylight Power đã thông qua các nội dung sau:

- + Phương án giảm vốn điều lệ Skylight Power từ 50.000.000.000 VND thành 15.880.000.000 VND. Thời gian thực hiện giảm vốn là sau khi Skylight Power gửi văn bản thông báo đến Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Hàng Xanh về phương án giảm vốn và nhận được doanh thu tiền điện từ năm 2021-2023 từ khách hàng. Theo đó, số vốn góp của Công ty trong Skylight Power sẽ từ 25.000.000.000 VND xuống 7.940.000.000 VND với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 50%;
- + Phương án chuyển nhượng 32% vốn góp Skylight Power của Công ty cho cổ đông hiện hữu của Skylight Power. Thời gian thực hiện chuyển nhượng: sau khi Skylight Power gửi văn bản thông báo đến Ngân hàng HD Bank, cung cấp các hồ sơ, văn bản phù hợp với yêu cầu của Ngân hàng (nếu có); đồng thời Skylight Power hoàn tất thủ tục giảm vốn điều lệ tại khoản 6 mục II Biên bản họp này. Theo đó, vốn góp tại Skylight Power của Công ty sẽ giảm xuống còn 2.858.400.000 VND với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 18%.
- + Và các nội dung khác liên quan đến hoạt động của Skylight Power.

Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Skylight Power chưa hoàn tất các thủ tục giảm vốn điều lệ.

(b) Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316338966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp ngày 19/6/2020 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 4,5 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tập đoàn tại Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M là 49%. Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 của Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M thì công ty này đang có lãi lũy kế.

(c) Theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Công ty CP Skylar (công ty Con) tại ngày 30 tháng 01 năm 2024; ngày 23 tháng 4 năm 2024; ngày 28 tháng 6 năm 2024 và ngày 02 tháng 10 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty CP Skylar đã phê duyệt việc mua cổ phần do Công ty CP BCG – SP Greensky phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu với tổng số lượng cổ phần mua thêm là 15.550.000 cổ phần, tương ứng 155.500.000.000 VND. Việc phát hành cổ phần thêm của Công ty Công ty CP Skylar BCG – SP Greensky không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/biểu quyết của các cổ đông hiện hữu. Vì vậy, tỷ lệ sở hữu/biểu quyết của Công ty CP Skylar và của Tập đoàn tại Công ty này lần lượt vẫn là 50% và 49,5%.

(d) Theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31/01/2024, HĐQT của Công ty đã phê duyệt thông qua việc ký kết và thực hiện hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán cổ phần được ký kết giữa các bên mua (Công ty và 2 cá nhân do Công ty chỉ định) và các bên bán (các cá nhân là cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa) liên quan đến việc nhận chuyển nhượng 90% cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa ("TSN") và phê duyệt ký kết Bảng điều khoản cơ bản giữa Công ty và SUS Vietnam Holding Pte. Ltd. ("SUS Vietnam") liên quan đến giao dịch chuyển nhượng 51% cổ phần TSN mà Công ty đang nắm giữ.

Vào ngày 31/01/2024, Công ty và các bên bán đã ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán cổ phần. Vào ngày 07/02/2024, các bên đã ký kết thỏa thuận sửa đổi hợp đồng nguyên tắc và cùng ngày các bên ký xác nhận hoàn thành chuyển nhượng cổ phần lần 1 nhằm ghi nhận việc các bên đã hoàn thành giao dịch lần 1. Công ty trở thành cổ đông của TSN từ ngày 07/02/2024 với số vốn Công ty nắm giữ là 661.500.000.000 VND tương ứng 45% vốn điều lệ của TSN.

Theo Nghị quyết số 06/2024/NQ-ĐHĐCĐ-TSN ngày 10/6/2024, Đại hội Đồng cổ đông của TSN đã thông qua việc chia tách TSN bằng việc chuyển nhượng một phần tài sản, quyền và nghĩa vụ, cổ đông của TSN hiện có ("TSN" hoặc "Công ty bị tách") để thành lập các công ty được tách là Công ty CP TSN Hòn Đất, Công ty CP TSN Huế, Công ty CP TSN Long An, Công ty CP TSN Hà Nam mà không làm chấm dứt tồn tại của Công ty bị tách. Vốn điều lệ của TSN sau khi bị tách là 1.219.093.000.000 VND, trong đó, Công ty nắm giữ 548.591.900.000 VND tương ứng 45% vốn điều lệ của TSN.

Vào ngày 10/7/2024, Công ty tiến hành góp vốn bổ sung vào TSN với giá trị là 112.908.000.000 VND cùng với các cổ đông của TSN. Tại ngày 10/7/2024, vốn điều lệ của TSN là 1.470.000.000.000 VND. Trong đó, số vốn Công ty nắm giữ là 661.500.000.000 VND tương ứng 45% vốn điều lệ của TSN.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.10. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Theo thỏa thuận về việc chuyển nhượng cổ phần trong TSN ngày 28/11/2024 và phụ lục điều chỉnh giá chuyển nhượng cổ phần ngày 30/12/2024, Công ty chuyển nhượng 5.145.000 cổ phần TSN tương đương 35% vốn điều lệ của TSN cho SUS Vietnam với giá chuyển nhượng là 596.915.656.000 VND. Giao dịch này đã tạo cho Công ty một khoản lãi tài chính là 114.021.887.481 VND và Công ty đang ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện do điều kiện tăng vốn của TSN chưa đạt. Số cổ phần Công ty nắm giữ còn lại là 1.470.000 cổ phần, tương đương 10% vốn điều lệ của TSN.

Theo Nghị quyết số 52/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 25/12/2024, HĐQT của Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 2.205.000 cổ phần TSN tương ứng 15% vốn điều lệ của TSN từ Ông Nguyễn Hoàng Phúc với giá nhận chuyển nhượng là 231.525.000.000 VND. Vào ngày 30/12/2024, Công ty và Ông Nguyễn Hoàng Phúc đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng số cổ phần nêu trên và cũng là ngày Công ty sở hữu thêm số cổ phần này.

Tính đến ngày 31/12/2024, việc chia tách giữa TSN và các công ty được tách chưa hoàn tất do các bên chưa tiến hành bàn giao tài sản, quyền và nghĩa vụ, cổ đông. Theo đó, Công ty vẫn theo dõi toàn bộ vốn đầu tư ban đầu khi mua vốn cổ phần của TSN trước khi bị tách. Số dư đầu tư tại 31/12/2024 bao gồm:

- Giá trị đầu tư của Công ty vào Công ty CP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa với số tiền là 369.494.648.148 VND để Công ty nắm giữ 3.675.000 cổ phần, mệnh giá: 100.000 VND/cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ của TSN.
- Giá trị đầu tư của Công ty vào các công ty được tách là Công ty CP TSN Hòn Đất, Công ty CP TSN Huế, Công ty CP TSN Long An, Công ty CP TSN Hà Nam với tổng số tiền là 104.544.583.333 VND để Công ty nắm giữ chiếm 45% vốn điều lệ của các công ty này.
- Tại ngày 31/12/2024, với quan điểm thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào TSN với giá trị suy giảm là 474.039.231.481 VND.
- Do không có đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định chính xác giá trị thuần có thể thu hồi của các khoản mục này tại ngày 31/12/2024, Ban Tổng Giám đốc đã thận trọng ghi nhận lỗ đối với toàn bộ giá trị đầu tư với giá trị suy giảm là 474.039.231.481 VND.
- (e) Công ty CP Năng lượng Dương Phong ("Dương Phong") được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315660881 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp ngày 17/5/2019 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 120 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của của Tập đoàn tại Công ty CP Năng lượng Dương Phong là 18%. Công ty không thu thập được báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán của Dương Phong và đánh giá không có khả năng thu hồi nên tiến hành trích lập dự phòng đầu tư 100%.
- (f) Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1 ("Khai Long 1") được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001279358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 17/11/2017 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 330 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tập đoàn tại Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1 là 18%.

(*) Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của các khoản đầu tư dài hạn vào các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày khóa sổ theo giá thị trường có giá trị tham chiếu đáng tin cậy. Đối với giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết chưa đại chúng, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này chưa có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.11. Tài sản cố định hữu hình						
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.015.029.487.841	7.534.699.514.764	850.803.649.063	2.369.099.091	113.837.200	10.403.015.587.959
Mua trong năm	-	2.415.418.240	-	-	-	2.415.418.240
Đầu tư XD/CB hoàn thành	5.098.222.300	-	-	31.400.000	-	5.129.622.300
Thanh lý, nhượng bán	(30.058.524.019)	(196.000.000)	-	-	-	(30.254.524.019)
Số dư cuối năm	1.990.069.186.122	7.536.918.933.004	850.803.649.063	2.400.499.091	113.837.200	10.380.306.104.480
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	323.793.019.804	955.195.061.444	128.168.345.382	906.560.072	7.905.360	1.408.070.892.062
Khấu hao trong năm	107.542.700.004	373.580.499.706	43.374.695.112	342.375.036	9.630.336	524.849.900.194
Thanh lý, nhượng bán	(578.485.391)	(33.250.000)	-	-	-	(611.735.391)
Số dư cuối năm	430.757.234.417	1.328.742.311.150	171.543.040.494	1.248.935.108	17.535.696	1.932.309.056.865
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.691.236.468.037	6.579.504.453.320	722.635.303.681	1.462.539.019	105.931.840	8.994.944.695.897
Số dư cuối năm	1.559.311.951.705	6.208.176.621.854	679.260.608.569	1.151.563.983	96.301.504	8.447.997.047.615

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 213.300.001 VND.

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.313.471.522.461 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Chi phí trả trước		31/12/2024	01/01/2024	
a. Ngắn hạn		9.777.249.322	8.452.493.099	
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		92.440.495	2.897.350.657	
Chi phí bảo hiểm		5.524.094.555	-	
Chi phí dịch vụ trái phiếu		1.310.630.136	-	
Chi phí đại lý cấp tín dụng		918.010.264	-	
Chi phí chờ phân bổ khác		1.932.073.872	5.555.142.442	
b. Dài hạn		69.713.347.344	61.131.031.953	
Chi phí bảo hiểm		22.026.573.464	24.437.955.782	
Chi phí giải phóng mặt bằng		21.709.892.529	1.987.337.285	
Chi phí thuê đất trả trước		15.897.204.314	16.571.227.515	
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		248.299.614	246.079.025	
Chi phí chờ phân bổ khác		9.831.377.423	17.888.432.346	
Cộng		79.490.596.666	69.583.525.052	
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn/ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		31/12/2024	01/01/2024	
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:				
- Lãi chưa thực hiện liên quan bán hàng trong cùng Tập đoàn		8.180.006.533	8.558.450.265	
Cộng		8.180.006.533	8.558.450.265	
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ chênh lệch tạm thời chịu thuế như sau:				
- Khoản chênh lệch do đánh giá lại giá trị hợp lý các công ty Con tại ngày mua		78.722.404.687	79.360.028.944	
Cộng		78.722.404.687	79.360.028.944	
4. Lợi thế thương mại		31/12/2024	01/01/2024	
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc Tập đoàn mua các công ty Con		57.310.211.948	65.663.068.024	
5. Phải trả người bán		31/12/2024	01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	1.386.183.332.109	1.386.183.332.109	1.223.109.690.620	1.223.109.690.620
Nhà cung cấp trong nước				
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.3)				
Thuyết minh VIII.3)	168.926.356.294	168.926.356.294	408.897.925.713	408.897.925.713
Công ty TNHH Powerchina Việt Nam				
Việt Nam	415.475.212.904	415.475.212.904	423.223.088.490	423.223.088.490
Văn phòng đại diện của Powerchina Jiangxin Electric Power Engineering Co., Ltd. tại Việt Nam				
Powerchina Jiangxin Electric Power Engineering Co., Ltd. tại Việt Nam	215.160.297.021	215.160.297.021	218.930.683.449	218.930.683.449
Ông Ngô Đức Thắng	324.900.000.000	324.900.000.000	-	-
Các đối tượng khác	209.899.651.550	209.899.651.550	126.191.503.298	126.191.503.298

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Phải trả người bán (tiếp theo)	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nhà cung cấp nước ngoài (2,028,172.67 USD)				
Powerchina Jiangxin Electric Power Engineering Co., Ltd.	51.821.814.340	51.821.814.340	45.866.489.670	45.866.489.670
b. Dài hạn	369.157.333.980	369.157.333.980	250.864.145.998	250.864.145.998
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.3)	315.236.163.767	315.236.163.767	250.864.145.998	250.864.145.998
Các đối tượng khác	53.921.170.213	53.921.170.213	-	-
Cộng (*)	1.755.340.666.089	1.755.340.666.089	1.473.973.836.618	1.473.973.836.618

(*) Trong đó, số dư phải trả nhà cung cấp bao gồm:

+ Số dư phải trả nhà cung cấp quá hạn thanh toán là 112.067.620.862 VND. Công ty luôn tin tưởng vào khả năng sắp xếp các nguồn vốn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán các khoản phải trả người bán này.

+ Số dư phải trả nhà cung cấp chưa có thư xác nhận phản hồi là 467.527.982.231 VND.

+ Số dư phải trả nhà cung cấp dài hạn tại 31/12/2024 là của Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi và Tập đoàn đã đạt thỏa thuận gia hạn nợ đến ngày 31/12/2026.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí phải trả cho Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi (Bên liên quan - Xem thuyết minh VIII.3c) (*)	10.312.035.073	-
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	190.219.378.124	206.566.337.977
Chi phí tạm tăng TSCĐ	-	34.829.238.883
Chi phí lãi BCC	52.087.671.233	8.140.986.800
Chi phí còn phải trả khác	32.072.199.384	15.645.155.223
Cộng	284.691.283.814	265.181.718.883

(*) Đây là các chi phí thi công xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2 theo các hợp đồng thi công số 01/2022/HĐMB/TN_TCD ngày 21/01/2022 và số 01/2021/TN-TOJI/HĐXD ngày 20/12/2021 và các phụ lục đính kèm.

17. Phải trả khác	31/12/2024	01/01/2024
a. Ngắn hạn	182.785.872.612	189.309.039.132
Kinh phí công đoàn và các khoản phải trả bảo hiểm bắt buộc	104.200.522	87.924.202
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh VIII.3)	34.147.137.521	48.790.037.226
- Khoản phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư	5.475.500.000	16.955.500.000
- Chi phí lãi BCC, lãi vay	24.534.406.150	31.834.537.226
- Lãi chậm thanh toán	4.137.231.371	-
Chi phí lãi BCC, lãi vay phải trả cho bên thứ ba	119.711.890.324	126.789.868.665
Cổ tức còn phải trả	21.459.901.512	-
Các khoản phải trả khác	7.362.742.733	13.641.209.039
b. Dài hạn	856.000.000.000	856.000.000.000
Khoản phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	856.000.000.000	856.000.000.000
Cộng	(*) 1.038.785.872.612	1.045.309.039.132

(*) Trong đó, số dư phải trả khác chưa có thư xác nhận phản hồi là 974.721.322.617 VND.

V.17. Phải trả khác

(i) Chi tiết số dư phải trả từ hợp tác đầu tư, kinh doanh (BCC) dài hạn tại ngày 31/12/2024 như sau:

Đối tác BCC	Số tiền (VND)	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	300.000.000.000	23/6/2021 - 23/6/2031	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1	- Trong thời gian xây dựng Dự án: tối thiểu 10,53%/năm trên số tiền hợp tác của Bên đóng góp. - Sau khi Dự án đi vào vận hành: dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn tại thời điểm được chia. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện 1 năm/lần kể từ ngày góp vốn.
	156.000.000.000	23/6/2021 - 23/6/2031	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2	
	400.000.000.000	01/12/2021 - 01/12/2031	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1	- 10,5%/năm trên số tiền thực góp của Bên đóng góp. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện định kỳ 6 tháng/lần.
Cộng dài hạn	856.000.000.000			

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.18. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Phải nộp	Đã nộp	31/12/2024
Thuế giá trị gia tăng	3.765.961.394	-	79.252.990.355	77.925.805.660	5.093.146.089
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.162.757.865	-	24.006.730.499	27.260.507.640	23.908.980.724
Thuế thu nhập cá nhân	540.308.017	-	4.903.441.797	4.218.211.257	1.225.538.557
Tiền thuế đất, thuế đất	61.103.139	-	1.929.945.804	1.983.668.957	7.379.986
Thuế nhà thầu	1.039.530.628	-	10.750.657.869	10.840.417.082	949.771.415
Các loại thuế khác	2.997.926.539	-	22.745.700.494	25.717.812.603	25.814.430
Cộng	35.567.587.582	-	143.589.466.818	147.946.423.199	31.210.631.201

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	1.335.445.307.414	1.335.445.307.414	1.363.368.058.090	1.363.368.058.090
(i) - Vay từ bên liên quan (xem thuyết minh VIII.3b)	9.832.810.099	9.832.810.099	33.604.000.000	33.604.000.000
(i) - Vay từ các đối tượng khác	117.020.026.000	117.020.026.000	174.503.500.000	174.503.500.000
(ii) - Vay từ Sembcorp Energy Viet Nam Project I Pte Ltd	689.877.000.000	689.877.000.000	659.475.000.000	659.475.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	518.715.471.315	518.715.471.315	445.785.558.090	445.785.558.090
+ Vay dài hạn đến hạn trả	520.569.126.815	520.569.126.815	447.639.213.590	447.639.213.590
+ Chi phí đi vay	(2.124.799.500)	(2.124.799.500)	(2.124.799.500)	(2.124.799.500)
+ Nợ thuê tài chính	271.144.000	271.144.000	271.144.000	271.144.000
b. Vay dài hạn	4.742.790.904.521	4.742.790.904.521	5.034.922.124.978	5.034.922.124.978
(iii) - Vay từ Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital (Bên liên quan)	100.000.000.000	100.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000
(iv) - Vay từ Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam	20.500.970.868	20.500.970.868	-	-
(v) - Vay từ các ngân hàng	4.811.596.364.488	4.811.596.364.488	4.504.152.289.628	4.504.152.289.628
- Chi phí đi vay	(22.133.247.520)	(22.133.247.520)	(24.258.038.560)	(24.258.038.560)
- Vay từ các đối tượng khác	-	-	-	-
(vi) - Trái phiếu				
+ Mệnh giá trái phiếu phát hành	357.000.000.000	357.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000
+ Chi phí phát hành trái phiếu	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	-	-
(vii) - Nợ thuê tài chính	542.288.000	542.288.000	813.432.000	813.432.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
+ Vay dài hạn đến hạn trả	(520.569.126.815)	(520.569.126.815)	(447.639.213.590)	(447.639.213.590)
+ Chi phí đi vay	2.124.799.500	2.124.799.500	2.124.799.500	2.124.799.500
+ Nợ thuê tài chính	(271.144.000)	(271.144.000)	(271.144.000)	(271.144.000)
Cộng	6.078.236.211.935	6.078.236.211.935	6.398.290.183.068	6.398.290.183.068

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

- (i) Các khoản vay ngắn hạn tín chấp từ các công ty theo từng hợp đồng vay cụ thể. Có thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất vay dao động từ 0%- 12,05%/năm. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn từ Sembcorp Energy Việt Nam Project I Pte Ltd theo hợp đồng vay cụ thể. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay là 09%/năm. Số dư vay tại ngày 31/12/2024 là 27,000,000 USD tương đương 689.877.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

Tên công ty bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty CP Aurai Wind Energy	- Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1; - Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2; - Tất cả tài khoản ngân hàng của Công ty CP Aurai Wind Energy tại: Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	- Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1; - Toàn bộ tài khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á.
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	- Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2; - Toàn bộ tài khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á.
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	- Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long giai đoạn 1; - Toàn bộ tài khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á.
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	- Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Khai Long giai đoạn 2; - Toàn bộ tài khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á.
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	- Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Khai Long giai đoạn 3; - Toàn bộ tài khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á.
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Wind Sóc Trăng	- Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1; - Các tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty CP Điện gió BCG Wind Sóc Trăng tại Ngân hàng TMCP Nam Á và Ngân hàng TMCP Phương Đông.
Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital	Vốn góp vào Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương; Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương.
Công ty CP BCG GAIA	- Vốn góp vào Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương và Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương; - Các khoản phải thu, tài khoản ngân hàng, tiền gửi ngân hàng và thiết bị.
Công ty CP BCG Energy	Vốn góp vào Công ty CP BCG GAIA; Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương; Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương; Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2.
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Các quyền sở hữu tài sản phát sinh từ các hợp đồng và các tài sản di động khác.
Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương	Các quyền sở hữu tài sản phát sinh từ các hợp đồng và các tài sản di động khác.
Ông Nguyễn Hồ Nam	5 triệu cổ phiếu trong Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital.
Ông Phạm Minh Tuấn	- 22.500 cổ phiếu tại Công ty CP BCG GAIA; - 2.369 triệu cổ phiếu tại Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital.
Bà Hoàng Thị Minh Châu	2.500 cổ phiếu tại Công ty CP BCG GAIA.

(iii) Khoản vay tín chấp dài hạn từ Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital theo từng hợp đồng vay cụ thể. Thời hạn vay đến 19/11/2026. Mục đích vay là mua sắm, lắp đặt thiết bị và thi công dự án nhà máy điện gió. Lãi suất vay là 16%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(iv) Khoản vay tín chấp dài hạn từ Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam với mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty CP BCG GAIA (công ty Con). Thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày giải ngân với tùy chọn trả nợ trước hạn khi có thể hoặc gia hạn ngày đáo hạn cho đến khi Công ty CP BCG GAIA hoàn tất việc trả nợ chưa thanh toán và các điều kiện khác theo đề xuất tái cấu trúc nợ với DBS Bank Ltd., Singapore và Cilifford Capital Pte. Ltd. Lãi suất vay là 9%/năm. Số dư vay tại ngày 31/12/2024 là 20.500.970.868 VND.

(v) Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng:

- Chi tiết các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam như sau:

+ Hợp đồng vay dự án đầu tư số 79/2020/HDCVDADT/NHCT944-NLS ngày 09/10/2020 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay dự án đầu tư với tổng giá trị tối đa là 2.623.000.000.000 Đồng với mục đích tài trợ đầu tư xây dựng Dự án nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ - Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2. Thời hạn của khoản vay là 126 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND cộng biên độ tối thiểu 4%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và toàn bộ động sản thuộc của Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 (Thuyết minh V.7); quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện (Thuyết minh V.2); toàn bộ cổ phần và quyền liên quan trong Công ty của Ông Nguyễn Văn Lục, Ông Bùi Thành Lâm, Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd. và Công ty CP BCG Energy. Số dư vay tại 31/12/2024 là 1.749.511.436.696 VND, trong đó, nợ vay dài hạn đến hạn trả là 272.950.000.000 VND.

+ Hợp đồng vay dự án đầu tư số 97/2024/HDCVDADT/NHCT944-NLS ngày 24/10/2024 và phụ lục hợp đồng số 97/2024-HDCVDADT-PL01/NHCT944-NLS ngày 25/10/2024 cho vay dự án đầu tư với tổng giá trị tối đa là 690.000.000.000 VND với mục đích thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của cụm Dự án Điện mặt trời Phù Mỹ - giai đoạn 1. Thời hạn của khoản vay là 139 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và biên độ tối thiểu 2,8%/năm. Tuy nhiên, tại thời điểm ký hợp đồng này, bên vay đang được hưởng ưu đãi lãi suất là 6,3%/năm đối với các khoản nhận nợ bằng VND trong tối đa 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bởi các tài sản bảo đảm theo điều khoản của các hợp đồng vay khác còn hiệu lực. Số dư vay tại ngày 31/12/2024 là 674.000.000.000 VND, trong đó, nợ vay dài hạn đến hạn trả là 60.000.000.000 VND.

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng vay dài hạn số 69/2020/HDTD/TTKHDNL MN2/01 ngày 14/01/2021. Thời hạn vay là đến ngày 15/01/2036. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2024 là 9,75 - 10,05%/năm. Mục đích vay là để tài trợ chi phí đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vneco Vĩnh Long. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện. Số dư vay tại 31/12/2024 là 550.374.528.848 VND, trong đó, nợ vay dài hạn đến hạn trả là 47.858.654.686 VND.

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn vay là đến ngày 01/02/2028. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2024 là 10,5%/năm (Theo Công văn số 108/2022/CV-MSB ngày 04/4/2022, thông báo điều chỉnh lãi suất xuống 7,3% đến ngày 04/4/2025). Mục đích vay là để tài trợ chi phí xây dựng Dự án Nhà máy Điện mặt trời mái nhà. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hệ thống điện mặt trời mái nhà của công ty Con tại Siêu thị Gổ Tây, khu ICD Tân Cảng Long Bình, phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai - tại kho xưởng của Công ty CP Tân Vĩnh Cửu, Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai. Số dư vay tại 31/12/2024 là 27.407.407.352 VND, trong đó, nợ vay dài hạn đến hạn trả là 8.888.888.904 VND.

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Bến Thành theo hợp đồng vay số BEN/20226 ngày 18/12/2020 và BEN/20226-02 ngày 21/12/2020. Thời hạn vay là đến ngày 19/12/2027. Lãi suất vay là 13,8%/năm. Mục đích vay là đầu tư dự án điện mặt trời năng lượng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái dự án Vinamilk Quảng Ngãi 1, quyền đòi nợ, bảo lãnh của ông Nguyễn Hồ Nam (Cựu chủ tịch của Công ty) và toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty CP Skylar. Số dư vay tại 31/12/2024 là 10.338.523.142 VND.

- Khoản vay từ DBS Bank Ltd, Singapore theo hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn vay là đến ngày 30/6/2035. Lãi suất vay là SOFR + 2,9%/năm. Mục đích vay là để tài trợ cho các dự án, hợp đồng BCC và kế hoạch kinh doanh. Số dư vay tại 31/12/2024 là 70,445,950 USD tương đương với 1.799.964.468.450 VND, trong đó, nợ vay dài hạn đến hạn trả là 5,121,975 USD tương đương 130.871.583.225 VND.

19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

Tên công ty bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty CP BCG Energy	Vốn góp vào Công ty CP BCG GAIA; Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương và Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương.
Công ty CP BCG GAIA	- Vốn góp vào Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương và Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương; - Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank - Chi nhánh Tp.HCM; - Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh.
Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital	Vốn góp vào Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương và Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương.
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	- Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank - Chi nhánh Tp.HCM; - Toàn bộ bất động sản và động sản thuộc dự án; - Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ dự án.
Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương	- Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank - Chi nhánh Tp.HCM; - Toàn bộ bất động sản và động sản thuộc dự án; - Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ dự án.
Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd.	Vốn góp vào Công ty CP BCG GAIA.
Ông Phạm Minh Tuấn và Bà Hoàng Thị Minh Châu	Vốn góp vào Công ty CP BCG GAIA.

(vi) Là khoản trái phiếu do Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên (công ty Con - gọi tắt là Thành Nguyên) phát hành vào năm 2022 với tổng mệnh giá trái phiếu phát hành là 500 tỷ VND. Người đại diện sở hữu trái phiếu là Công ty CP chứng khoán Tiên Phong. Thời hạn đáo hạn là đến ngày 09/12/2027. Mục đích phát hành là Cơ cấu nợ của Thành Nguyên. Lãi suất trái phiếu tại ngày 31/12/2024 là 13%/năm. Tài sản bảo đảm bao gồm toàn bộ quyền tài sản của dự án Krong Pa 2 thuộc sở hữu của Thành Nguyên; Toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của các thành viên góp vốn tại Thành Nguyên; Thế chấp 19.284.000 cổ phiếu Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital (Mã chứng khoán: BCG) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Vital Investments Group (bên thứ ba) và Công ty CP BCG Energy cam kết thực hiện bảo lãnh thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang toàn bộ nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ và liên quan đến Trái phiếu của Thành Nguyên đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp Thành Nguyên không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán các nghĩa vụ đó. Số dư trái phiếu tại ngày 31/12/2024 là 357 tỷ VND.

(vii) Nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để mua tài sản cố định theo Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.07/CTTC ngày 25/10/2022. Lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng, hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân, do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm nhận nợ cộng biên độ 2,5%/năm. Công ty có quyền mua lại tài sản thuê bằng giá danh nghĩa là 1.500.000 VND (ngày 25/11/2026). Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2024 là 542.288.000 VND, trong đó, nợ thuê tài chính đến hạn trả là 271.144.000 VND.

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Lãi chưa thực hiện từ giao dịch chuyển nhượng vốn	114.021.887.481	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Số dư tại ngày 01/01/2023	4.500.000.000.000	248.194.181.618	2.428.884.263.133	7.177.078.444.751
Tăng vốn	2.800.000.000.000	-	-	2.800.000.000.000
Lợi nhuận trong năm / (lỗ)	-	(35.911.486.594)	(116.808.939.470)	(152.720.426.064)
Ảnh hưởng thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty Con	-	(25.633.293.860)	(60.622.727.404)	(86.256.021.264)
Chia cổ tức	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	7.300.000.000.000	186.649.401.164	2.249.452.596.259	9.736.101.997.423
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Số dư tại ngày 01/01/2024	7.300.000.000.000	186.649.401.164	2.249.452.596.259	9.736.101.997.423
Lợi nhuận trong năm	-	(731.041.342.553)	(34.978.254.028)	(766.019.596.581)
Ảnh hưởng thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty Con	-	(17.879.662.684)	17.879.662.684	-
Tăng do đầu tư vào Công ty con	-	-	3.156.000.000	3.156.000.000
Chia cổ tức ưu đãi (*)	-	(13.565.750.004)	-	(13.565.750.004)
Thoái vốn	-	-	(10.460.325)	(10.460.325)
Số dư tại ngày 31/12/2024	7.300.000.000.000	(575.837.354.077)	2.235.499.544.590	8.959.662.190.513

(*) Theo Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, mức cổ tức ưu đãi cổ đông đã thanh toán để mua số cổ phiếu ưu đãi của Công ty CP BCG Gaia (Công ty con).

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	47,71%	3.483.000.000.000	3.698.000.000.000
Bà Lê Thị Mai Loan	3,78%	276.000.000.000	276.000.000.000
Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền	2,88%	210.000.000.000	210.000.000.000
Các cổ đông khác	45,63%	3.331.000.000.000	3.116.000.000.000
Cộng	100%	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm 2024	Năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
<i>Vốn góp đầu năm</i>		7.300.000.000.000	4.500.000.000.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>		-	2.800.000.000.000
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>		-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>		7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	-
d. Cổ phiếu		31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		730.000.000	730.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		730.000.000	730.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		730.000.000	730.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		730.000.000	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		730.000.000	
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		730.000.000	730.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		730.000.000	730.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.		10.000	10.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ - USD	133,423.86	110,690.38

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.881.523.000	41.572.137.877
Doanh thu từ bán điện	1.238.813.268.494	1.084.075.180.757
Cộng	1.277.694.791.494	1.125.647.318.634

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giá vốn hàng bán	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn cung cấp dịch vụ	26.719.449.964	40.778.056.087
Giá vốn của điện đã bán	623.562.964.367	549.820.710.095
Cộng	650.282.414.331	590.598.766.182
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	19.957.170.705	19.098.568.162
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.217.169	4.760.339
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.860.000.000
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	1.116.598.839	773.429.095
Lãi hợp tác kinh doanh	608.657.547.992	717.336.171.144
Doanh thu tài chính khác	-	640.000
Cộng	629.765.534.705	744.073.568.740
4. Chi phí tài chính	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	664.893.719.014	967.422.134.827
Chi phí dự phòng (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	81.000.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.698.819.702	2.911.585.405
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	114.526.492.271	99.735.147.130
Chi phí phát hành trái phiếu	(1.429.314.276)	19.202.027.497
Chi phí hợp tác kinh doanh	100.236.024.108	200.832.509.921
Chi phí tài chính khác	16.011.866.212	55.174.818.519
Cộng	990.937.607.031	1.345.278.223.299
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên	21.318.765.481	17.606.666.059
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	781.056.226	1.661.712.676
Chi phí khấu hao TSCĐ	963.288.724	2.735.908.664
Thuế, phí, lệ phí	13.312.826.309	6.212.209.880
Dự phòng phải thu khó đòi	473.628.514.506	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.035.076.285	27.716.157.855
Phân bổ lợi thế thương mại	8.352.856.076	8.352.856.076
Chi phí bằng tiền khác	4.477.561.506	12.279.093.297
Cộng	546.869.945.113	70.352.394.627
6. Thu nhập khác	Năm 2024	Năm 2023
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	5.236.596.097
Nhận bồi thường do thí công chậm tiến độ	-	22.563.013.699
Tiền thu được từ thoái lãi ngân hàng (*)	38.997.389.664	-
Thu nhập khác	4.975.054.174	21.317.065.617
Cộng	43.972.443.838	49.116.675.413

(*) Đây là khoản tiền nhận từ ngân hàng TMCP Tiên Phong theo thông báo số 202402.01/TB/TPB-IBC8 ngày 29/02/2024 về việc Ngân hàng đồng ý giảm lãi vay cho Công ty đối với số tiền lãi đã thu trong năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Chi phí khác	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí phạt liên quan đến thuế	463.244.420	6.657.334.948
Lỗ do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	168.388.864	-
Chi phí lãi chậm thanh toán	4.141.081.371	-
Chi phí phạt vi phạm phạt hợp đồng, bồi thường	3.145.120.199	-
Chi phí tài trợ, từ thiện	6.764.629.630	-
Các khoản khác	2.530.730.067	3.247.387.384
Cộng	17.213.194.551	9.904.722.332
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.494.751.670	37.323.555.133
Chi phí nhân công	42.816.039.566	3.309.578.011
Chi phí khấu hao tài sản cố định, lợi thuế thương mại phân bổ	543.504.481.312	496.312.234.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.630.346.529	83.737.494.290
Chi phí khác bằng tiền	23.078.225.861	40.288.018.297
Cộng	723.523.844.938	660.970.879.923
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hiện hành phát sinh tại các công ty:		
Công ty CP BCG Energy	-	3.600.000
Công ty CP Violet Solar	-	23.872.994
Công ty CP Orchid Solar	-	120.521.756
Công ty CP Herb Solar	-	149.907.303
Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương	1.362.336.064	916.451.525
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	207.361.482	565.089.010
Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	496.979.793	19.193.232
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	10.192.880.423	1.232.661.502
Công ty CP BCG Vĩnh Long	184.340.009	417.493.987
Công ty CP Skylar	-	912.003.926
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	11.392.511.542	-
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch	170.321.186	2.247.580.278
Cộng	24.006.730.499	6.608.375.513
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(766.019.596.581)	(152.720.426.064)
Trong đó:		
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(34.978.254.028)	(116.808.939.470)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	(731.041.342.553)	(35.911.486.594)
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông công ty mẹ (*)	(731.041.342.553)	(35.911.486.594)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	730.000.000	463.416.322
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.001)	(77)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

(*): Khoản lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được tính trừ phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định hiện hành. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2024 sẽ được điều chỉnh và trình bày lại sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án phân phối lợi nhuận.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(731.041.342.553)	(35.911.486.594)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	(731.041.342.553)	(35.911.486.594)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	730.000.000	463.416.322
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	730.000.000	463.416.322
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.001)	(77)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2024	Năm 2023
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.369.600.772.347	1.950.048.347.604
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm 2024	Năm 2023
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.787.713.134.569	2.317.691.398.652
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	2.289.000.000.000
- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	271.144.000	271.144.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

a. Các khoản nợ tiềm tàng

- Tập đoàn đang có các hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà nước để phục vụ cho dự án điện mặt trời BCG Bể Dương và GAIA của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong các hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Theo đó, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến dự án điện mặt trời BCG Bể Dương và GAIA của Tập đoàn là chưa chắc chắn bởi vì Tập đoàn chưa xác định rằng Tập đoàn sẽ chịu chi phí tháo dỡ tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của Nhà nước hay Nhà nước sẽ thu hồi đất cùng với tài sản gắn liền với đất và có quyền sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị thuê tiếp theo.
- Tập đoàn đang có các hợp đồng thuê mái nhà để phục vụ cho các dự án điện mặt trời áp mái của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê mái nhà này, sau khi kết thúc hợp đồng thuê, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ thu hồi hệ thống điện mặt trời áp mái, khôi phục lại và hoàn trả lại mặt bằng khu vực lắp đặt về tình trạng như nêu tại biên bản bàn giao mặt bằng ban đầu nếu như bên cho thuê mái không mua lại hệ thống này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mái nhà liên quan đến các dự án điện mặt trời áp mái là chưa chắc chắn.
- Theo Điều 77 và 78 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật bảo vệ môi trường (“Nghị định”) do Chính phủ ban hành ngày 10 tháng 1 năm 2022, Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy và Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch (2 công ty Con) có trách nhiệm tái chế tấm quang năng sử dụng trong các dự án điện mặt trời khi hết thời hạn sử dụng. Theo hướng dẫn của Nghị định này, việc tái chế có thể theo các hình thức là tự thực hiện tái chế, thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế, ủy quyền cho tổ chức trung gian, hoặc có thể kết hợp các hình thức này. Tại ngày báo cáo tài chính này, hai công ty Con này vẫn chưa xác định được phương thức tái chế cũng như tính toán chi phí cho việc tái chế do chưa có hướng dẫn cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

a. Các khoản nợ tiềm tàng (tiếp theo)

- Tập đoàn có nhận được Quyết định về việc giao quyền sử dụng khu vực biển số 639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2022 (“Quyết định”) trực tiếp từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy điện gió Đông Thành 1. Thời hạn được giao quyền sử dụng khu vực biển kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành (ngày 31 tháng 3 năm 2022) đến hết ngày 26 tháng 2 năm 2071. Theo các điều khoản trong Quyết định, Tập đoàn có nghĩa vụ thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường biển, phục hồi và cải thiện môi trường biển khi thời hạn sử dụng khu vực biển hết hiệu lực. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tập đoàn chưa hoàn thành phần lớn Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1 nên chưa xác định được chi phí khôi phục và cải thiện khu vực sử dụng biển được bàn giao. Do đó, Tập đoàn chưa trích lập bất kỳ khoản chi phí liên quan nào đến việc khôi phục và cải thiện khu vực biển được bàn giao.
- Tập đoàn có nhận được Quyết định về việc giao quyền sử dụng khu vực biển số 1089/QĐ UBND ngày 27 tháng 6 năm 2024 (“Quyết định”) trực tiếp từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy điện gió Đông Thành 2. Thời hạn được giao quyền sử dụng khu vực biển kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành (ngày 27 tháng 6 năm 2024) đến hết ngày 15 tháng 4 năm 2071. Theo các điều khoản trong Quyết định, Tập đoàn có nghĩa vụ thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường biển, phục hồi và cải thiện môi trường biển khi thời hạn sử dụng khu vực biển hết hiệu lực. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa hoàn thành phần lớn Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2 nên chưa xác định được chi phí khôi phục và cải thiện khu vực sử dụng biển được bàn giao. Do đó, Tập đoàn chưa trích lập bất kỳ khoản chi phí liên quan nào đến việc khôi phục và cải thiện khu vực biển được bàn giao.

b. Các khoản cam kết

- Tập đoàn cam kết góp đủ vốn vào các công ty Liên kết của Công ty trong năm 2025.
- Tập đoàn đảm bảo tiếp tục thực hiện các cam kết đã ký trong các hợp đồng với các đối tác.
- Công ty CP BCG Energy cam kết thực hiện bảo lãnh thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang toàn bộ nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ và liên quan đến Trái phiếu của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán các nghĩa vụ đó (thuyết minh số V.19 - Vay và nợ thuê tài chính).
- Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 (“Đông Thành 1”) và Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 (“Đông Thành 2”) đã thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1, 2 và tất cả tài khoản ngân hàng của Đông Thành 1, Đông Thành 2 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty CP Aurai Wind Energy (công ty Con) từ Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte Ltd. (thuyết minh số V.19 - Vay và nợ thuê tài chính).
- Ông Nguyễn Hồ Nam (Cựu chủ tịch của Công ty) đã đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và tương lai phát sinh từ hợp đồng vay số BEN/20226 ngày 18/12/2020 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Bến Thành theo hợp đồng bảo lãnh số 01/HDBL/VPBANK-01 ngày 18/12/2020 của Tập đoàn (xem thêm thuyết minh số V.19).
- Cam kết vốn: các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc năm tài chính nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	4.608.812.555.081	4.343.262.131.401

c. Những thông tin tài chính khác

- Tập đoàn được cơ quan có thẩm quyền thông báo về việc có quyết định khởi tố vụ án và quyết định khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Hồ Nam (cựu chủ tịch HĐQT của Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital (nhà đầu tư) và của Tập đoàn) và Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền (thành viên Ban Kiểm soát của Tập đoàn từ ngày 29/3/2024) vào ngày 28/02/2025. Vào ngày 11/3/2025, Tập đoàn tiếp nhận đơn từ nhiệm của nhiều nhân sự cấp cao như đã thuyết minh tại mục III - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc đánh giá sự việc nêu trên không làm ảnh hưởng đến hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn nhận định mọi hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn diễn ra bình thường.
- Về mức giá mua điện được hưởng theo Quyết định 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 cho các dự án Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ và dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO Vĩnh Long có ngày vận hành thương mại trước ngày 31/12/2020.

c. Những thông tin tài chính khác (tiếp theo)

+ Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch (công ty Con) ký hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho các dự án Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1 - Giai đoạn 1, Phù Mỹ 2, Phù Mỹ 3 - Giai đoạn 1 được hưởng mức giá mua điện là 7,09 UScent/kWh (giá FIT) trong vòng 20 năm theo Quyết định 13/2020/QĐ-TTg đối với dự án điện mặt trời nổi lưới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư trước ngày 23/11/2019 và có ngày vận hành thương mại ("COD") của dự án hoặc một phần dự án trong giai đoạn từ ngày 01/7/2019 đến hết ngày 31/12/2020.

+ Công ty CP BCG Vĩnh Long (công ty Con) ký hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO Vĩnh Long được hưởng mức giá mua điện là 7,09 UScent/kWh (giá FIT) trong vòng 20 năm theo Quyết định 13/2020/QĐ-TTg đối với dự án điện mặt trời nổi lưới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư trước ngày 23/11/2019 và có ngày vận hành thương mại ("COD") của dự án trong giai đoạn từ ngày 01/07/2019 đến hết ngày 31/12/2020.

+ Theo kết luận thanh tra số 1027/KL-TTCP ngày 28/4/2023 của Thanh tra Chính phủ, đề cập đến việc rà soát và xem xét việc hưởng cơ chế giá FIT đối với các dự án chưa có "Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu" tại thời điểm COD.

+ Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, vẫn chưa có các văn bản pháp lý nào từ cơ quan có thẩm quyền được ban hành liên quan đến việc thay đổi điều kiện được hưởng cơ chế giá FIT theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg. Do đó, Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch vẫn tiếp tục thực hiện ghi nhận doanh thu theo hợp đồng mua bán điện đã được ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đã được thanh quyết toán doanh thu đến hết năm 2024.

Theo đánh giá của Tập đoàn, đến thời điểm lập báo cáo này, không có bất kỳ khoản nợ tiềm tàng và cam kết nào khác có ảnh hưởng trọng yếu mà cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đối với phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 - Giai đoạn 2, Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch đã ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05 hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1 với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày 06/02/2025. Theo đó, giá mua điện tại điểm giao nhận điện là 1.183,65 (đồng/kWh) và được áp dụng 20 năm kể từ Ngày vận hành thương mại của phần Nhà máy điện này (20 năm kể từ ngày 30/5/2023);

Đối với phần công suất 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 - Giai đoạn 2, Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch đã ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05 hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 3 với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày 25/4/2025. Theo đó, giá mua điện chính thức tại điểm giao nhận điện là 1.178,12 (đồng/kWh) và được áp dụng 20 năm kể từ Ngày vận hành thương mại của phần Nhà máy điện này (20 năm kể từ ngày 30/5/2023).

Vào ngày 23/5/2025, Công ty đã nhận Quyết định số 661/QĐ-SGDHN từ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc đưa vào diện hạn chế giao dịch. Theo đó, cổ phiếu BGE của Công ty bị đưa vào diện hạn chế giao dịch từ ngày 29/5/2025 vì chậm nộp báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải công bố thông tin theo đúng quy định.

Ngoài các sự kiện như đã nêu trên, Tập đoàn không có sự kiện quan trọng nào khác khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan	
a. Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital	Nhà đầu tư
(i) Ông Vũ Ngọc Tiến	Nhà đầu tư
Công ty CP Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	Công ty con gián tiếp

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

a. Các bên liên quan

(ii) Công ty CP Greensky Infinitive

(iii) Công ty CP Cosmos Solar

Công ty TNHH Skylight Power

Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M

Công ty CP Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa

Công ty CP TSN Hòn Đất

Công ty CP TSN Huế

Công ty CP TSN Long An

Công ty CP TSN Hà Nam

Công ty CP BCG - SP Greensky

Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi (tên cũ là Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải)

Công ty Taxi Việt Nam

Công ty CP Du lịch Casa Marina Resort

Tổng Công ty CP Bảo hiểm AAA

Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng

Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp

Công ty CP BCG Land

Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 1

Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 2

Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 3

(i) Công ty CP Mega Solar

(i) Công ty CP E Power 1

Công ty TNHH Tulip Solar

Ông Ng Wee Siong, Leonard

Ông Nguyễn Hồ Nam

Ông Phạm Minh Tuấn

Ông Nguyễn Mạnh Chiến

Ông Nguyễn Trung Trực

Ông Hoàng Trung Thành

Ông Lê Thanh Tùng

Bà Nguyễn Thị Loan

Ông Đồng Hải Hà

Ông Nguyễn Viết Cương

Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền

Ông Tan Bo Quan Andy

Mối quan hệ

Công ty con gián tiếp

Công ty con gián tiếp

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Cùng nhà đầu tư

Cùng nhà đầu tư

Cùng nhà đầu tư

Cùng nhà đầu tư

Cùng nhà đầu tư

Cùng nhà đầu tư

Cùng nhà đầu tư

Cùng người đại diện pháp luật

Cùng người đại diện pháp luật

Cùng người đại diện pháp luật

Cùng người đại diện pháp luật

Cùng người đại diện pháp luật

Công ty Con của Công ty liên kết

Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)

Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/3/2024)

Phó Chủ tịch HĐQT

Phó Chủ tịch HĐQT

Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)

Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Trưởng Ban kiểm soát

Phó Ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)

Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 29/3/2024)

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

a. Các bên liên quan		Mối quan hệ
Ông Phạm Minh Tuấn	Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giang Nam		Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Đình Quyết		Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/3/2024)
Ông Phạm Lê Quang		Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/9/2024)
Ông Hoàng Trung Thành		Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/11/2024)
Bà Vũ Vân Ngọc Nicki		Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/9/2024)
(i) Ông Nguyễn Văn Lục		Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/9/2024)
		Chủ tịch HĐQT của công ty Con

Trong đó:

- (i) Các cá nhân và các công ty này không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 31/12/2024.
- (ii) Công ty CP Greensky Infinitive không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 05/9/2024.
- (iii) Công ty CP Cosmos Solar đã chính thức giải thể vào ngày 20/02/2024.

b. Trong năm, Tập đoàn có phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital		
Vay	162.000.000.000	-
Trả gốc vay	562.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	86.224.932.166	74.298.630.139
Lãi vay đã trả	88.808.493.810	-
Nhận cung cấp dịch vụ	12.170.000.000	12.265.000.000
Công ty TNHH Skylight Power		
Cho vay	541.000.000	-
Thu gốc cho vay	541.000.000	-
Tiền lãi cho vay trong năm	57.168.742	-
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa		
Góp vốn	112.908.000.000	-
Cho vay	7.397.128.000	-
Tiền lãi cho vay trong năm	53.886.029	-
Lãi cho vay đã thu	53.886.029	-
Hợp tác kinh doanh	1.884.674.000.000	-
Thu vốn góp hợp tác kinh doanh	200.000.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	20.671.752.000	-
Công ty CP TSN Long An		
Hợp tác kinh doanh	334.384.000.000	-
Công ty CP TSN Huế		
Hợp tác kinh doanh	127.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Trong năm, Tập đoàn có phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo) như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Công ty CP TSN Hòn Đất		
Hợp tác kinh doanh	302.142.000.000	-
Công ty Taxi Việt Nam		
Nhận cung cấp dịch vụ	136.395.277	117.519.389
Công ty CP Du lịch Casa Marina Resort		
Nhận cung cấp dịch vụ	213.259.953	192.271.465
Tổng Công ty CP Bảo hiểm AAA		
Nhận cung cấp dịch vụ	8.509.747.852	14.978.934.659
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng		
Cho vay	-	600.000.000
Tiền lãi cho vay trong năm	54.147.944	11.095.890
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp		
Trả gốc vay	-	20.000.000.000
Lãi vay phát sinh	-	30.684.932
Lãi vay đã trả	-	-
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1		
Cho vay	268.744.000.000	7.410.022.927
Thu gốc cho vay	135.000.000	50.000.000
Tiền lãi cho vay trong năm	6.790.593.452	333.252.170
Lãi hợp tác BCC	274.734.951.103	418.691.264.655
Cung cấp dịch vụ	4.645.400.000	4.834.780.000
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 2		
Cho vay	230.225.000.000	825.000.000
Thu gốc cho vay	37.650.000.000	-
Tiền lãi cho vay trong năm	3.175.439.669	68.883.285
Góp vốn BCC	55.243.780.000	-
Thu hồi gốc BCC	166.301.000.000	-
Lãi hợp tác BCC	-	200.946.082
Thu lãi hợp tác BCC	12.843.410.528	
Cung cấp dịch vụ	2.550.000.000	2.550.000.000
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 3		
Cho vay	1.690.000.000	7.529.000.000
Thu gốc cho vay	6.000.000	4.746.000.000
Tiền lãi cho vay trong năm	256.143.452	112.431.949
Cung cấp dịch vụ	2.550.000.000	2.550.000.000
Công ty CP E Power 1		
Cho vay	-	169.000.000
Tiền lãi cho vay trong năm	-	1.725.535

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Trong năm, Tập đoàn có phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo) như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Công ty CP Mega Solar		
Tiền lãi cho vay trong năm	-	3.149.998
Trả gốc vay	-	52.000.000.000
Lãi vay phát sinh	-	4.355.171.232
Lãi hợp tác BCC	-	17.901.861.765
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi		
Lãi chậm thanh toán	4.137.231.371	-
Chi tiền ký quỹ	39.000.000.000	-
Nhận cung cấp dịch vụ	13.519.217.338	-
Công ty CP BCG Land		
Nhận cung cấp dịch vụ	300.000.000	300.000.000
Thu gốc hợp tác BCC	10.000.000.000	-
Thu lãi hợp tác BCC	2.385.150.687	-
Lãi hợp tác BCC	181.150.685	1.102.000.001
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M		
Nhận cung cấp dịch vụ	36.665.243.720	34.633.869.870
Cung cấp dịch vụ	546.000.000	490.000.000
Cổ tức được chia	10.665.242.000	6.860.000.000
Công ty CP BCG - SP Greensky		
Cung cấp dịch vụ	7.918.371.000	8.800.535.000
Vay	-	800.000.000
Lãi vay phát sinh	68.186.298	38.936.984
Góp vốn	155.500.000.000	-
Công ty TNHH Tulip Solar		
Nhận cung cấp dịch vụ	992.036.722	-
Thanh lý tài sản cố định	29.474.724.567	-
Trả gốc vay	5.201.189.901	-
Lãi vay phát sinh	806.229.473	1.209.890.000
Ông Phạm Minh Tuấn		
Vay	-	10.522.347.604
Trả gốc vay	-	10.522.347.604
Ông Vũ Ngọc Tiến		
Tặng vốn	-	30.000.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến		
Vay	-	450.000.000
Trả gốc vay	-	450.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c. Tại ngày 31 tháng 12, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	589.680.000	529.000.000
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	7.605.152.000	-
Công ty CP BCG - SP Greensky	1.402.893.000	766.923.000
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1	10.349.058.000	5.686.526.000
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 2	5.763.000.000	3.009.000.000
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 3	5.463.000.000	2.709.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	-	402.398.480
Cộng	31.172.783.000	13.102.847.480
Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi	20.171.356.008	53.734.324.321
Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1	275.969.022.927	-
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	600.000.000	-
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	3.000.000.000	-
Công ty CP TSN Long An	53.220.000.000	-
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	-	600.000.000
Công ty CP Mega Solar	-	1.035.000.000
Công ty CP E Power 1	-	107.403.483.975
Cộng	332.789.022.927	109.038.483.975
Phải thu về cho vay dài hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1	-	7.360.022.927
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 2	193.400.000.000	2.513.000.000
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 3	4.197.000.000	825.000.000
Cộng	197.597.000.000	10.698.022.927
Phải thu khác ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi	39.959.440.985	2.012.419.386
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1	1.684.847.651.792	2.380.468.707.237
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 2	9.576.459.564	128.945.829.367
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 3	365.530.196	109.386.744
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	65.243.834	11.095.890
Công ty TNHH Skylight Power	57.168.743	-
Công ty CP E Power 1	-	7.520.837.090
Công ty CP Mega Solar	-	806.375.746.967
Công ty CP BCG Land	-	2.204.000.002
Ông Đặng Đình Quyết	61.141.612.674	-
Ông Phạm Lê Quang	800.000.000	-
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	1.689.687.000.000	-
Công ty CP TSN Long An	334.384.000.000	-
Công ty CP TSN Huế	127.500.000.000	-
Công ty CP TSN Hòn Đất	302.142.000.000	-
Cộng	4.250.526.107.788	3.327.648.022.683

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c. Tại ngày 31 tháng 12, Công ty có số dư với các bên liên quan (tiếp theo) như sau:

Phải thu khác dài hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 2	11.381.000.000	-
Công ty CP BCG Land	-	10.000.000.000
Cộng	11.381.000.000	10.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi	140.760.995.974	333.331.978.689
Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital	2.298.200.000	5.888.067.374
Công ty Taxi Việt Nam	3.720.500	631.000
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	25.824.702.120	14.074.175.632
Công ty CP BCG Land	27.000.000	54.000.000
Công ty CP Du lịch Casa Marina Resort	2.627.000	-
Tổng Công ty CP Bảo hiểm AAA	9.110.700	463.424.658
Ông Vũ Ngọc Tiến	-	42.381.360
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	-	3.043.267.000
Ông Nguyễn Văn Lục	-	52.000.000.000
Cộng	168.926.356.294	408.897.925.713
Phải trả người bán dài hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi	315.236.163.767	145.236.163.767
Ông Nguyễn Văn Lục	-	105.627.982.231
Cộng	315.236.163.767	250.864.145.998
Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi	10.312.035.073	-
Cộng	10.312.035.073	-
Phải trả khác ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi	4.137.231.371	-
Công ty CP Mega Solar	-	15.362.534.246
Công ty TNHH Tulip Solar	1.079.426.701	1.760.141.336
Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital	28.823.356.167	31.406.917.811
Công ty CP BCG - SP Greensky	107.123.282	260.443.833
Cộng	34.147.137.521	48.790.037.226
Vay ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP BCG - SP Greensky	800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH Tulip Solar	9.032.810.099	14.234.000.000
Công ty CP E Power 1	-	3.070.000.000
Công ty CP Mega Solar	-	15.500.000.000
Cộng	9.832.810.099	33.604.000.000
Vay dài hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital	100.000.000.000	500.000.000.000
Cộng	100.000.000.000	500.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

d. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

Trong đó:

- Bà Hoàng Thị Minh Châu
- Ông Đồng Hải Hà
- Ông Nguyễn Việt Cường
- Ông Phạm Minh Tuấn
- Ông Nguyễn Giang Nam
- Ông Hoàng Trung Thành
- Bà Vũ Vân Ngọc Nicki
- Ông Đặng Đình Quyết
- Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương
- Ông Phạm Lê Quang
- Ông Phạm Đăng Khoa

Cộng

Năm 2024	Năm 2023
6.139.014.667	3.052.037.246
-	108.500.000
504.000.000	268.833.333
93.800.000	91.700.000
1.360.400.000	790.900.000
975.005.143	-
890.691.429	-
302.800.000	432.360.000
327.700.000	-
1.381.172.381	1.058.710.000
303.445.714	-
-	301.033.913
6.139.014.667	3.052.037.246

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Tập đoàn vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dung

Kế toán trưởng

Lưu Khánh Trường

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn

